

*

Số 320-GM/HU

GIẤY MỜI

Trân trọng kính mời các đồng chí dự Hội nghị Ban Thường vụ Huyện ủy lần thứ 26 (khóa IV), nhiệm kỳ 2020 - 2025; nội dung, thành phần, thời gian và địa điểm cụ thể như sau:

I. Nội dung

1. Thảo luận và cho ý kiến vào các dự thảo:

- Chương trình hành động của Ban Thường vụ Huyện ủy thực hiện Nghị quyết 13-NQ/TU, ngày 25/5/2022 của Tỉnh ủy Lâm Đồng về phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn huyện Đam Rông đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (Ủy ban nhân dân huyện).

- Chương trình hành động của Ban Thường vụ Huyện ủy thực hiện Nghị quyết số 17-NQ/TU, ngày 09/6/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường lãnh đạo công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn huyện Đam Rông (Ủy ban nhân dân huyện).

- Chương trình hành động của Ban Thường vụ Huyện ủy thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TU, ngày 25/7/2022 của Tỉnh ủy Lâm Đồng về đào tạo, phát triển và nâng cao nguồn nhân lực huyện Đam Rông đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (Ủy ban nhân dân huyện, Ban Tổ chức Huyện ủy).

- Thông qua báo cáo kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/HU, ngày 10/7/2019 của Huyện ủy về sản xuất nông nghiệp toàn diện, bền vững từng bước ứng dụng công nghệ cao đến năm 2025 và những năm tiếp theo trên địa bàn huyện Đam Rông đối với Ban Thường vụ Đảng ủy và một số cán bộ chủ chốt thuộc Đảng bộ xã Đạ M'Rông, Đảng bộ xã Phi Liêng (Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy).

- Dự thảo Kế hoạch thực hiện Kết luận số 34-KL/TW, ngày 18/4/2022 của Bộ Chính trị về Chiến lược công tác kiểm tra, giám sát của Đảng đến năm 2030 (Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy).

- Tờ trình đề xuất bổ sung Chương trình công tác kiểm tra, giám sát năm 2022 của Ban Thường vụ Huyện ủy (Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy).

2. Bàn về công tác cán bộ và phát triển đảng viên định kỳ (Ban Tổ chức Huyện ủy).

II. Thành phần kính mời

- Các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy (khóa IV), nhiệm kỳ 2020 - 2025,
- Lãnh đạo Văn phòng Huyện ủy.

III. Thời gian và địa điểm

- **Thời gian:** Bắt đầu lúc 14 giờ 00', ngày 30 tháng 8 năm 2022.
- **Địa điểm:** Phòng họp Ban Thường vụ Huyện ủy.

(Tài liệu Hội nghị Văn phòng Huyện ủy gửi cùng Giấy mời đề nghị các đồng chí nghiên cứu trước và mang theo khi tham dự Hội nghị).

Đề nghị các đồng chí sắp xếp công việc, tham dự đúng thành phần, thời gian quy định.

Nơi nhận:

- Như thành phần,
- Lưu Văn phòng Huyện ủy.

**T/L BAN THƯỜNG VỤ
CHÁNH VĂN PHÒNG**



Phan Thị Cẩm

TỜ TRÌNH

Chương trình hành động về Thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TU, ngày 25/5/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát triển công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn huyện Đam Rông

Kính gửi: Ban Thường vụ Huyện ủy.

Thực hiện Quy chế số 05-QC/HU, ngày 16/8/2022 của Huyện ủy về Quy chế làm việc của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và Thường trực Huyện ủy khóa IV, nhiệm kỳ 2020 - 2025; Chương trình công tác toàn khóa, Chương trình công tác năm 2022 của Huyện ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy; UBND huyện tham mưu dự thảo Chương trình hành động về thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TU, ngày 25/5/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát triển công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn huyện Đam Rông.

Thường trực Huyện ủy kính trình Ban Thường vụ Huyện ủy dự thảo Chương trình hành động để các đồng chí nghiên cứu, góp ý. Dự thảo Chương trình hành động gồm các nội dung chính như sau:

1. Tình hình

Trong những năm gần đây, ngành công nghiệp huyện Đam Rông đã có tăng trưởng khá, tốc độ phát triển công nghiệp - xây dựng bình quân giai đoạn 2015 đến năm 2020 đạt 14,7%; Cơ cấu kinh tế ngành công nghiệp - xây dựng 14,92% (617 lao động trong lĩnh vực công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp).

2. Quan điểm, mục tiêu

2.1. Quan điểm

Quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TU, ngày 25 tháng 05 năm 2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát triển công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Đồng thời, tiếp tục bám sát và triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 23-NQ-TW, ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị, Chương trình hành động số 70-CTr/TU, ngày 08/10/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lâm Đồng “Về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”; Nghị quyết số 07-NQ/TU, ngày 12/11/2021 của ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát triển huyện Đam Rông giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết Đại Hội Đảng bộ huyện Đam Rông lần thứ IV, nhiệm kỳ 2020 -2025; Chương trình hành động số 02 /CTr-UBND, ngày 24/09/2021 của UBND huyện Đam Rông về Kế hoạch phát triển

kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025; phương án phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn huyện Đam Rông giai đoạn 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Phát triển công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, trọng tâm là công nghiệp chế biến, chế tạo phù hợp với định hướng phát triển công nghiệp của tỉnh. Phát triển ngành công nghiệp bền vững dựa trên khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế của huyện.

- Tập trung phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo trở thành ngành công nghiệp đóng vai trò chủ đạo của khu vực công nghiệp, tạo ra giá trị gia tăng cao, đóng góp vào tăng trưởng kinh tế của huyện; trong đó, ưu tiên phát triển các dự án sản xuất ứng dụng công nghệ cao, khai thác và sử dụng hợp lý, có hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên gắn với bảo vệ môi trường.

- Phát triển đồng bộ hệ thống phân phối hàng hóa; tăng cường kết nối giữa người sản xuất, doanh nghiệp, hiệp hội và các cơ quan quản lý để phát triển công nghiệp chế biến, thị trường tiêu thụ, xuất khẩu sản phẩm. Phát triển thương mại điện tử gắn với kinh tế số. Kết hợp chặt chẽ giữa sản xuất công nghiệp với nông nghiệp và dịch vụ; thúc đẩy phát triển doanh nghiệp công nghiệp, các sản phẩm chủ lực và xây dựng thương hiệu sản phẩm chế biến, chế tạo của huyện.

2.2. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung

Về phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp theo hướng có chọn lọc và phù hợp với điều kiện địa phương: Cụ thể hóa các nhiệm vụ và phân công trách nhiệm để các cấp, các ngành triển khai thực hiện. Trước mắt, tập trung giải quyết kịp thời những vướng mắc trong quá trình thu hút đầu tư, giao đất và phát triển hạ tầng phục vụ sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; phát triển và nâng cao tỷ trọng ngành công nghiệp trong cơ cấu kinh tế; đa dạng hóa về quy mô và loại hình sản xuất công nghiệp, khuyến khích phát triển công nghiệp nông thôn gắn với vùng nguyên liệu và xây dựng nông thôn mới; tăng tỷ trọng xuất khẩu các mặt hàng nông, lâm sản đã qua chế biến; thu hút các nhà đầu tư có tiềm năng về vốn đầu tư, thị trường, áp dụng công nghệ hiện đại để xây dựng triển khai dự án có quy mô lớn làm động lực phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn huyện Đam Rông.

b) Mục tiêu cụ thể

Đến năm 2025, phấn đấu đạt các chỉ tiêu cơ bản:

- Ngành công nghiệp - xây dựng chiếm tỷ trọng cơ cấu kinh tế 15 -16%.
- Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm trong lĩnh vực công nghiệp và xây dựng đạt 15%.

- Giải quyết việc làm trong 5 năm 1.000 -1.500 lao động; trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo phục vụ cho Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp đạt 20%.

c) Định hướng đến năm 2030

- Ngành công nghiệp - xây dựng chiếm tỷ trọng cơ cấu kinh tế 17 -18%.

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm trong lĩnh vực công nghiệp và xây dựng đạt 18%.
- Giải quyết việc làm cho khoảng 2.500 lao động; trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo phục vụ cho Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp đạt 25%.
- Duy trì và phát triển mạnh các chuỗi liên kết bền vững giữa sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm trong nước và xuất khẩu đối với các nhóm sản phẩm chủ lực của huyện.

3. Nhiệm vụ và giải pháp

Trên cơ sở quan điểm, mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, dự thảo Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TU đã đề ra 08 nhóm nhiệm vụ, giải triển khai thực hiện trong thời gian tới.

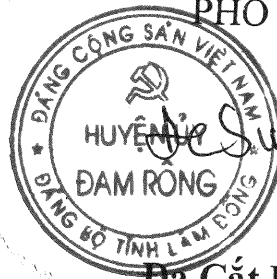
Thường trực Huyện ủy báo cáo Ban Thường vụ Huyện ủy xem xét, cho ý kiến.

(Kèm theo dự thảo Chương trình hành động về thực hiện Nghị quyết số 13 - NQ/TU, ngày 25/5/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát triển công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn huyện Đam Rông).

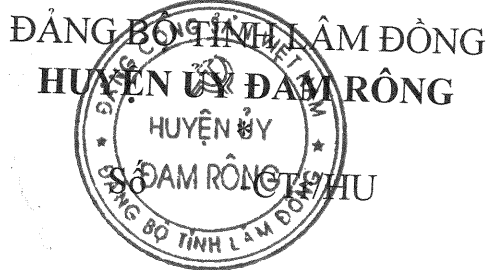
Nơi nhận:

- Thường trực Huyện ủy,
- Các đồng chí UVBTVHU,
- Lưu Văn phòng Huyện ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ**



Đa Cát K' Hương



ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
Đam Rông, ngày tháng 8 năm 2022

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY

Thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TU, ngày 25/5/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lâm Đồng về phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn huyện Đam Rông đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TU, ngày 25/5/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lâm Đồng “Về phát triển công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”. Ban Thường vụ Huyện ủy xây dựng Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết, với các nội dung như sau:

I. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP HUYỆN ĐAM RÔNG.

1. Thực trạng phát triển công nghiệp

Trong những năm gần đây, ngành công nghiệp huyện Đam Rông đã có tăng trưởng khá, tốc độ phát triển công nghiệp - xây dựng bình quân giai đoạn 2015 đến năm 2020 đạt 14,7%; Cơ cấu kinh tế ngành công nghiệp - xây dựng 14,92% (617 lao động trong lĩnh vực công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp). Trong đó, tập trung một số ngành công nghiệp như: Công nghiệp khai thác khoáng sản, làm vật liệu xây dựng, chủ yếu phục vụ cho việc xây dựng giao thông dân dụng và nhà ở của nhân dân trong vùng; Công nghiệp chế biến các sản phẩm từ nông nghiệp, chủ yếu là phục vụ nhu cầu tại chỗ, chưa mang tính sản xuất công nghiệp tập trung và chưa có tính hàng hóa; Công nghiệp năng lượng, hiện nay có 02 dự án đã phát điện hòa vào lưới điện quốc gia (Thủy điện Đăk Mê 1 đạt công suất đạt 5,5 MW; thủy điện Krông Nô 2&3 đạt công suất 46MW), 12 dự án điện năng lượng mặt trời mái nhà (công suất >100kWp) với tổng công suất là 10.033,4kWp. Ngoài ra, trên địa bàn huyện có 01 cơ sở khai thác than bùn làm nguyên liệu để sản xuất phân vi sinh, 03 cơ sở sản xuất gạch không nung, 03 cơ sở chế biến cà phê, 20 cơ sở cơ khí sản xuất nông cụ phục vụ nông nghiệp, 01 cơ sở sản xuất ống nước phục vụ nông nghiệp, 10 cơ sở mộc gia dụng, 02 cơ sở sản xuất đồ gỗ cao cấp.

2. Những khó khăn vướng mắc

Bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn một số tồn tại, hạn chế, như: Mặt bằng kinh tế của huyện không cao, sản xuất nông, lâm nghiệp vẫn chiếm tỷ trọng chủ yếu trong cơ cấu ngành kinh tế; dịch vụ - thương mại phát triển chưa mạnh, kết

cấu hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật chưa đồng bộ là những nguyên nhân dẫn đến khó khăn trong thúc đẩy phát triển CN - TTCN ở huyện Đam Rông. Mặt khác, các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất và các hộ gia đình hoạt động trong lĩnh vực sản xuất CN - TTCN trên địa bàn huyện vẫn còn gặp rất nhiều khó khăn về nguồn vốn đầu tư, nguồn vốn hỗ trợ khuyến công còn hạn chế, hệ thống cơ sở hạ tầng, trang thiết bị phục vụ sản xuất, sự cạnh tranh trên thị trường tiêu thụ sản phẩm, việc vận chuyển sản phẩm tới các địa phương trong và ngoài tỉnh, chất lượng nguồn lao động tại chỗ chưa thực sự đáp ứng nhu cầu sản xuất.

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

Quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết số 17-NQ/TU, ngày 25/5/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy *“Về phát triển công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”*. Đồng thời, tiếp tục bám sát và triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 23-NQ/TW, ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị, Chương trình hành động số 70-CTr/TU, ngày 08/10/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lâm Đồng *“Về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”*; Nghị quyết số 07-NQ/TU, ngày 12/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa XI) *“Về phát triển huyện Đam Rông giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045”*; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Đam Rông (lần thứ IV), nhiệm kỳ 2020 - 2025; Chương trình hành động số 02/CTr-UBND, ngày 24/9/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Đam Rông *“Về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025”*; phương án phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn huyện Đam Rông giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Phát triển công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, trọng tâm là công nghiệp chế biến, chế tạo phù hợp với định hướng phát triển công nghiệp của huyện. Phát triển ngành công nghiệp bền vững dựa trên khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế của huyện.

- Tập trung phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo trở thành ngành công nghiệp đóng vai trò chủ đạo của khu vực công nghiệp, tạo ra giá trị gia tăng cao, đóng góp vào tăng trưởng kinh tế của huyện; trong đó, ưu tiên phát triển các dự án sản xuất ứng dụng công nghệ cao, khai thác và sử dụng hợp lý, có hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên gắn với bảo vệ môi trường.

- Phát triển đồng bộ hệ thống phân phối hàng hóa; tăng cường kết nối giữa người sản xuất, doanh nghiệp, hiệp hội và các cơ quan quản lý để phát triển công nghiệp chế biến, thị trường tiêu thụ, xuất khẩu sản phẩm. Phát triển thương mại điện tử gắn với kinh tế số. Kết hợp chặt chẽ giữa sản xuất công nghiệp với nông nghiệp

và dịch vụ; thúc đẩy phát triển doanh nghiệp, công nghiệp, các sản phẩm chủ lực và xây dựng thương hiệu sản phẩm chế biến, chế tạo của huyện.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung

Về phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp theo hướng có chọn lọc và phù hợp với điều kiện địa phương: Cụ thể hóa các nhiệm vụ và phân công trách nhiệm để các cấp, các ngành triển khai thực hiện. Trước mắt, tập trung giải quyết kịp thời những vướng mắc trong quá trình thu hút đầu tư, giao đất và phát triển hạ tầng phục vụ sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; phát triển và nâng cao tỷ trọng ngành công nghiệp trong cơ cấu kinh tế; đa dạng hóa về quy mô và loại hình sản xuất công nghiệp, khuyến khích phát triển công nghiệp nông thôn gắn với vùng nguyên liệu và xây dựng nông thôn mới; tăng tỷ trọng xuất khẩu các mặt hàng nông, lâm sản đã qua chế biến; thu hút các nhà đầu tư có tiềm năng về vốn đầu tư, thị trường, áp dụng công nghệ hiện đại để xây dựng triển khai dự án có quy mô lớn làm động lực phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn huyện Đam Rông.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Đến năm 2025, phấn đấu đạt các chỉ tiêu cơ bản: Ngành công nghiệp - xây dựng chiếm tỷ trọng cơ cấu kinh tế 15 - 16%.
- Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm trong lĩnh vực công nghiệp và xây dựng đạt 15%;
- Giải quyết việc làm trong 5 năm 1.000 - 1.500 lao động; trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo phục vụ cho công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp đạt 20%.

2.3. Định hướng đến năm 2030

- Ngành công nghiệp - xây dựng chiếm tỷ trọng cơ cấu kinh tế 17 - 18%.
- Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm trong lĩnh vực công nghiệp và xây dựng đạt 18%.
- Giải quyết việc làm cho khoảng 2.500 lao động; trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo phục vụ cho công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp đạt 25%.
- Duy trì và phát triển mạnh các chuỗi liên kết bền vững giữa sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm trong nước và xuất khẩu đối với các nhóm sản phẩm chủ lực của huyện.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tập trung phát triển công nghiệp chế biến gắn với chuỗi liên kết tiêu thụ sản phẩm trong nước và xuất khẩu.

1.1. Phát triển công nghiệp chế biến có lợi thế cạnh tranh về vùng nguyên liệu, sử dụng công nghệ hiện đại thân thiện môi trường

- Đẩy mạnh phát triển công nghiệp chế biến sâu các loại nông sản, công nghiệp chế biến dược liệu, dược phẩm và thực phẩm chức năng từ sản phẩm nông nghiệp, cây dược liệu nhằm khai thác hiệu quả nguồn nguyên liệu tại chỗ. Ưu tiên thu hút đầu tư các dự án chế biến thực phẩm có quy mô lớn, công nghệ tiên tiến, hiện đại, thân thiện môi trường; các trung tâm sau thu hoạch nông sản tại các vùng nguyên liệu tập trung, gắn với xây dựng chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu, mã số vùng trồng.

- Tiếp tục khôi phục, phát triển ngành nghề ươm tơ, dệt lụa gắn với vùng nguyên liệu theo hướng hình thành các chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

- Phát triển công nghiệp chế biến lâm sản theo hướng khai thác hiệu quả và bền vững tài nguyên rừng. Tập trung phát triển các sản phẩm chế biến lâm sản từ nguồn nguyên liệu rừng trồng; ứng dụng khoa học, công nghệ vào chế biến lâm sản để tạo ra các sản phẩm phục vụ thị trường trong nước và xuất khẩu; trong đó tạo điều kiện phát triển sản xuất các sản phẩm nội thất cao cấp từ gỗ, đồ mỹ nghệ, chế biến giấy....

- Phát triển công nghiệp khai thác khoáng sản theo hướng tập trung, áp dụng công nghệ tiên tiến, giảm tối đa tác động đến cảnh quan, môi trường sinh thái, đất rừng để cung cấp nguồn nguyên liệu phục vụ công nghiệp chế biến tại chỗ. Chú trọng phát triển công nghiệp chế biến vật liệu xây dựng thông thường; sử dụng công nghệ hiện đại, thân thiện môi trường để sản xuất các loại vật liệu xây dựng nhân tạo thay thế các nguồn vật liệu tự nhiên. Tăng cường kiểm tra, giám sát hoạt động khai thác và chế biến khoáng sản để hạn chế tình trạng bán thô, sử dụng tài nguyên khoáng sản kém hiệu quả.

1.2. Phát triển công nghiệp cơ khí, chế tạo phục vụ phát triển nông nghiệp và công nghiệp chế biến

- Ưu tiên thu hút các dự án đầu tư sản xuất, cung cấp các thiết bị, linh kiện, vật tư phục vụ sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp thông minh, công nghiệp chế biến nông sản và công nghiệp khai khoáng đáp ứng tiêu chuẩn và có khả năng cạnh tranh cao với hàng nhập khẩu. Phát triển các cơ sở cơ khí có quy mô phù hợp để đáp ứng nhu cầu chế tạo, lắp ráp, sửa chữa dây chuyền thiết bị, máy móc phục vụ hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp và phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

1.3. Hình thành và phát triển chuỗi liên kết trong hoạt động công nghiệp chế biến, chế tạo gắn với tiêu thụ sản phẩm trong nước và xuất khẩu

- Tiếp tục phát triển và mở rộng các chuỗi liên kết sản xuất, thu hoạch, sơ chế, chế biến gắn với tiêu thụ trong nước và xuất khẩu. Hỗ trợ doanh nghiệp mở rộng thị

trường tiêu thụ sản phẩm thông qua các hoạt động xúc tiến thương mại, cung cấp thông tin hàng rào kỹ thuật của các nước nhập khẩu và đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử.

- Tập trung đầu tư mở rộng, chiều sâu các chuỗi liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông sản, dệt may hiện có. Hình thành các chuỗi liên kết tiêu thụ sản phẩm trong nước và xuất khẩu đối với các nhóm sản phẩm (*trước và sau chế biến*) chủ lực của huyện như: Cà phê, mắc ca, dâu tằm, rau củ quả, dược liệu với quy mô phù hợp.

- Đầu tư phát triển bảo quản nông sản, các trung tâm Logistics để tăng hiệu quả liên kết tiêu thụ hàng hóa, nông sản trong nước và xuất khẩu.

- Phát triển các thương hiệu, nhãn hiệu gắn với vùng nguyên liệu đặc trưng của huyện. Hỗ trợ đầu tư phát triển các khu trưng bày, cửa hàng giới thiệu, quảng bá sản phẩm chủ lực của huyện tại các thị trường trong và ngoài tỉnh.

- Tăng cường liên kết với các địa phương, vùng lân cận để thu hút các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ tham gia sản xuất, cung cấp linh kiện, vật tư, nguyên liệu phục vụ các ngành công nghiệp, sản xuất nông nghiệp. Từng bước xây dựng mạng lưới các doanh nghiệp thực hiện chuỗi dịch vụ chế tạo, lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất nông nghiệp và công nghiệp chế biến trên địa bàn huyện.

2. Phát triển các cụm công nghiệp tạo động lực thúc đẩy phát triển các dự án công nghiệp

2.1. Rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất xây dựng cụm công nghiệp Đam Rông (*theo đồ án quy hoạch vùng huyện*) để tích hợp vào quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội huyện Đam Rông giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 làm cơ sở phát triển cụm công nghiệp phục vụ kêu gọi đầu tư các dự án sản xuất công nghiệp giai đoạn 2021 - 2025.

2.2. Giai đoạn 2025 - 2030 tập trung huy động các nguồn lực đầu tư, xây dựng hoàn thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật và các công trình hạ tầng xã hội tại cụm công nghiệp Đam Rông trong đó ưu tiên bố trí nguồn vốn đầu tư công trung hạn, hàng năm để thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng, đầu tư hệ thống xử lý nước thải, hoàn thiện các công trình đường giao thông nội bộ trong cụm công nghiệp (*khi không thu hút được nhà đầu tư xây dựng hạ tầng*) và hệ thống giao thông kết nối cụm công nghiệp với hệ thống giao thông của huyện.

2.3. Tăng cường thu hút vốn đầu tư FDI vào chế biến nông sản, công nghiệp hỗ trợ tại cụm công nghiệp trên cơ sở triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 50-NQ/TW, ngày 20/8/2019 của Bộ Chính trị “Về định hướng hoàn thiện thể chế, chính

sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư đến năm 2030” trên địa bàn huyện Đam Rông.

2.4. Xây dựng lộ trình và di dời các nhà máy, cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường ra khỏi các khu dân cư; đồng thời, tạo điều kiện về quỹ đất để tập trung di chuyển các nhà máy, cơ sở sản xuất này vào khu, cụm công nghiệp.

3. Phát triển công nghiệp năng lượng dựa trên lợi thế của huyện

3.1. Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch số 135-KH/TU, ngày 03/8/2020 của Tỉnh ủy triển khai thực hiện Nghị quyết số 55-NQ/TW, ngày 11/02/2020 của Bộ Chính trị *“Về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”*. Tập trung phát triển mạnh mẽ các nguồn năng lượng tái tạo nhằm thay thế tối đa các nguồn năng lượng hoá thạch. Ưu tiên thu hút đầu tư có chọn lọc các dự án năng lượng tái tạo có tiềm năng (*thủy điện tích năng, thủy điện vừa và nhỏ, điện gió và điện mặt trời*) ở những nơi phù hợp, đảm bảo không tác động đến rừng tự nhiên, hạn chế tác động môi trường sinh thái, không ảnh hưởng đến khu vực an ninh quốc phòng. Khuyến khích phát triển điện năng lượng mặt trời áp mái và điện mặt trời trên các hồ thủy lợi, hồ thủy điện, đất nông nghiệp xấu năng suất thấp. Tạo điều kiện thuận lợi thực hiện đầu tư hiện đại hoá ngành điện từ khâu sản xuất, truyền tải đến phân phối đáp ứng yêu cầu phát triển của thị trường điện; nâng cao khả năng bảo đảm an ninh mạng lưới điện và chất lượng dịch vụ điện.

- Xây dựng hệ thống lưới điện đồng bộ để vận hành hiệu quả, có khả năng kết nối khu vực, bảo đảm cung cấp điện an toàn, đáp ứng nhu cầu hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp.

4. Phát triển tiểu thủ công nghiệp gắn với du lịch và giải quyết việc làm cho người lao động nông thôn

4.1. Tăng cường đầu tư phát triển tiểu thủ công nghiệp; tiếp tục phát triển các làng nghề truyền thống, đậm đà bản sắc dân tộc hiện có và phát triển những làng nghề mới để giải quyết việc làm cho người lao động nông thôn; trong đó khuyến khích hình thành, mở rộng mô hình phát triển tiểu thủ công nghiệp gắn với du lịch (*bao gồm dệt thổ cẩm, mây tre đan, trồng dâu nuôi tằm, worm tơ dệt lụa...*). Khuyến khích các nghệ nhân, thợ giỏi, các nhà nghiên cứu tham gia đào tạo, truyền nghề và thiết kế mẫu mã, kiểu dáng sản phẩm nhằm bảo tồn các nét truyền thống của sản phẩm, đáp ứng thị hiếu và nhu cầu của thị trường; tiếp tục hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh bằng việc đa dạng hóa các nguồn vốn, phương thức huy động vốn và cho vay để hỗ trợ vốn cho các hộ sản xuất, kinh doanh tại các làng nghề; hỗ trợ thông qua cung ứng nguyên, vật liệu, thiết bị máy móc, công nghệ mới vào sản xuất và bao tiêu các sản phẩm làng nghề; nâng cao trình độ sản xuất, phát triển thị trường, xây dựng thương hiệu làng nghề.

4.2. Kết hợp, lồng ghép Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới với Chương trình Quốc gia mỗi xã một sản phẩm (OCOP). Tập trung xây dựng và phát triển thương hiệu sản phẩm nông nghiệp, công nghiệp nông thôn, tiếp tục tổ chức đánh giá và công nhận sản phẩm (OCOP), sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu. Đồng thời phát triển, nâng cao chất lượng, mẫu mã các sản phẩm đã được chứng nhận (OCOP), sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu nhằm phát huy thế mạnh về sản phẩm, vùng nguyên liệu và lao động địa phương.

4.3. Đẩy mạnh áp dụng thương mại điện tử; hỗ trợ các cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp để xây dựng Website giới thiệu, quảng bá, xây dựng thương hiệu sản phẩm làng nghề và áp dụng thương mại điện tử; xây dựng bộ tư liệu, thông tin về các làng nghề, sản phẩm tiểu thủ công nghiệp làm cơ sở quảng bá, giới thiệu gắn với đầu tư phát triển, tiêu thụ sản phẩm đáp ứng yêu cầu thị trường.

4.4. Đầu tư nguồn lực, hỗ trợ phát triển hình thành các chuỗi liên kết giá trị với các doanh nghiệp trong sản xuất, tiêu thụ các mặt hàng tiểu thủ công nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động khu vực nông nghiệp, nông thôn; tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp đầu tư phát triển tiểu thủ công nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới.

5. Tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi cho phát triển công nghiệp; hỗ trợ phát triển doanh nghiệp công nghiệp

5.1. Tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi và công bằng; hoàn thiện cơ chế chính sách đơn giản hóa quy trình, thủ tục hành chính để rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục đầu tư. Nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính công; nhằm tạo điều kiện đơn giản nhất, thuận lợi nhất cho hoạt động của doanh nghiệp. Hỗ trợ, tạo điều kiện để các doanh nghiệp tiếp cận các nguồn vốn vay ưu đãi phục vụ phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

5.2. Nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường. Đẩy mạnh công tác đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, vi phạm sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực công nghiệp, bảo đảm môi trường sản xuất kinh doanh lành mạnh.

5.3. Thu hút đầu tư hạ tầng giao thông cấp thiết có tính chất kết nối liên vùng để nâng cao năng lực vận chuyển, lưu thông hàng hóa, vật tư; nâng cao chất lượng và hiệu quả liên kết vùng.

6. Đẩy mạnh ứng dụng các thành tựu khoa học - công nghệ trong hoạt động sản xuất, kinh doanh

6.1. Quan tâm đầu tư phát triển một số ngành công nghiệp mới, tạo ra sản phẩm công nghệ cao. Nghiên cứu phát triển, ứng dụng công nghệ số, các dây chuyền

tự động, IoT, internet kết nối vạn vật, máy móc thiết bị sử dụng năng lượng tái tạo phục vụ ngành nông nghiệp, sản xuất công nghiệp và dịch vụ.

6.2. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, kỹ thuật vào hoạt động sản xuất kinh doanh. Thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh; đẩy mạnh hoạt động tiêu thụ sản phẩm hàng hóa.

6.3. Tăng cường hoạt động hợp tác, hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, tạo động lực khuyến khích, thúc đẩy hoạt động ứng dụng, chuyển giao khoa học và công nghệ vào hoạt động sản xuất, kinh doanh.

7. Nâng cao chất lượng, phát triển nguồn nhân lực công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp

7.1. Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ doanh nhân, cán bộ quản lý doanh nghiệp có chuyên môn cao, kỹ năng quản trị hiện đại, có đạo đức kinh doanh; xây dựng đội ngũ công nhân có tay nghề cao, có tác phong công nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật; có năng lực tiếp thu và sáng tạo trong sản xuất.

7.2. Hỗ trợ hoạt động đào tạo, nâng cao trình độ tay nghề cho người lao động làm việc trong lĩnh vực công nghiệp, áp dụng công nghệ cao thông qua các chương trình đào tạo nghề của ngành, các cấp. Quan tâm đào tạo chuyển đổi nghề và nâng cao kỹ năng, tay nghề cho lao động nông thôn, lao động trong doanh nghiệp nhỏ và vừa. Khuyến khích khu vực tư nhân và các doanh nghiệp tham gia đào tạo nhân lực chất lượng cao gắn kết chặt chẽ giữa nghiên cứu, đào tạo với nhu cầu của thị trường lao động.

7.3. Thực hiện tốt công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn để thực hiện việc phát triển ngành nghề, làng nghề gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới nhằm chuyển dịch nhanh cơ cấu lao động nông thôn theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ.

8. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong hoạt động quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực; phát huy vai trò các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội

8.1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng; phát huy vai trò của các cấp ủy Đảng và người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong quản lý Nhà nước về công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp. Xác định rõ chức năng, nhiệm vụ quản lý ngành, lĩnh vực và địa phương về công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

8.2. Từng bước xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức quản lý Nhà nước đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ đặt ra trong tình hình mới. Thực hiện rà soát, sắp xếp hệ thống quản lý công nghiệp từ huyện đến các xã đảm bảo tập trung, hoạt động thông suốt, hiệu quả, có phân công, phân cấp rõ ràng; thiết lập cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa các sở, ngành, địa phương.

8.3. Tăng cường thực hiện vai trò giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong việc thực hiện cơ chế, chính sách phát triển công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp.

8.4. Phát huy vai trò của các hội, chi hội, hợp tác xã, tổ hợp tác... trong việc định hướng, tập hợp, gắn kết các doanh nghiệp, đơn vị hoạt động các ngành nghề, lĩnh vực. Xây dựng các hội, hhi hội, hợp tác xã, tổ hợp tác trở thành cầu nối truyền tải các chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật Nhà nước đến doanh nghiệp.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ủy ban nhân dân huyện xây dựng kế hoạch để triển khai thực hiện chương trình hành động; chủ trì, phối hợp theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chương trình này, định kỳ báo cáo Ban Thường vụ Huyện ủy.

2. Ban Tuyên giáo Huyện ủy xây dựng kế hoạch tuyên truyền, phổ biến nội dung chương trình hành động bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú, thiết thực, hiệu quả, tạo sự thống nhất cao trong nhận thức và hành động.

3. Các tổ chức xây dựng đảng; cơ quan, ban, ngành, đoàn thể của huyện; các Đảng ủy, UBND các xã có trách nhiệm tổ chức phổ biến, quán triệt, tuyên truyền và xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện chương trình này; định kỳ hàng năm sơ kết và báo cáo kết quả thực hiện.

Chương trình này được phổ biến đến các tổ chức cơ sở đảng trong toàn huyện.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy,
- Ban cán sự UBND tỉnh,
- Ủy ban nhân dân tỉnh,
- Các ban đảng và Văn phòng Tỉnh ủy,
- Thường trực Huyện ủy,
- HĐND, UBND huyện,
- Các ban xây dựng Đảng,
- Các TCCSĐ trực thuộc Huyện ủy,
- Các phòng, ban, ngành của huyện,
- Lưu Văn phòng Huyện ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ**

Nguyễn Văn Lộc

TỜ TRÌNH

Chương trình hành động về Thực hiện Nghị quyết số 17-NQ/TU, ngày 09/6/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lâm Đồng về tăng cường lãnh đạo công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn huyện Đam Rông

Kính gửi: Ban Thường vụ Huyện ủy.

Thực hiện Quy chế số 05-QC/HU, ngày 16/8/2022 của Huyện ủy về Quy chế làm việc của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và Thường trực Huyện ủy khóa IV, nhiệm kỳ 2020 - 2025; Chương trình công tác toàn khóa, Chương trình công tác năm 2022 của Huyện ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy; UBND huyện tham mưu dự thảo Chương trình hành động về Thực hiện Nghị quyết số 17-NQ/TU, ngày 09/6/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lâm Đồng về tăng cường lãnh đạo công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn huyện Đam Rông.

Thường trực Huyện ủy kính trình Ban Thường vụ Huyện ủy dự thảo Chương trình hành động để các đồng chí nghiên cứu, góp ý. Dự thảo Chương trình hành động gồm các nội dung chính như sau:

1. Tình hình

Nhìn chung, công tác quản lý môi trường trên địa bàn huyện trong những năm qua đã được các cấp, các ngành chú trọng, đem lại hiệu quả nhất định trong việc kiểm soát ô nhiễm, xây dựng môi trường địa phương ngày càng xanh sạch đẹp, văn minh; nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường của các tầng lớp nhân dân. Nhận thức về trách nhiệm, nghĩa vụ bảo vệ môi trường của các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn huyện từng bước được nâng cao. Các cơ quan chức năng đã chủ động hơn trong kiểm soát các nguồn thải nhằm ngăn chặn, phòng ngừa nguy cơ gây ô nhiễm, hạn chế các vụ việc ô nhiễm môi trường phát sinh.

2. Mục đích, yêu cầu

2.1. Mục đích

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền về bảo vệ môi trường; chủ động giám sát, kiểm soát công tác quản lý môi trường, ngăn ngừa và hạn chế tối đa mức độ gia tăng ô nhiễm; đẩy mạnh thực hiện các giải pháp nhằm nâng cao ý thức, trách nhiệm và tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và hành động bảo vệ môi trường của mỗi công dân, gia đình, cơ quan, đơn vị.

- Nâng cao năng lực quản lý, ưu tiên biện pháp phòng ngừa ô nhiễm và suy thoái môi trường; kịp thời chỉ đạo giải quyết các vấn đề bức xúc, điểm nóng về môi trường, đảm bảo hài hòa giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ môi trường góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển nhanh, toàn diện, bền vững.

- Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, huy động sự tham gia của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, cộng đồng trong công tác bảo vệ môi trường nhằm nâng cao nhận thức, ý thức của người dân về công tác này.

- Tiếp tục quan tâm, chỉ đạo đầu tư nâng cấp hạ tầng kỹ thuật góp phần đảm bảo điều kiện vệ sinh, cảnh quan môi trường và phát triển nông thôn theo hướng hiện đại hóa để góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu chung của huyện Đam Rông đến năm 2025 đạt chuẩn nông thôn mới.

2.2. Yêu cầu

2.2.1. Giai đoạn đến năm 2025

- 100% cán bộ, công chức, đảng viên được phổ biến, quán triệt các chủ trương, chính sách của Trung ương và địa phương về bảo vệ môi trường.

- Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đạt chuẩn về môi trường đạt 95%.

- Tỷ lệ che phủ rừng đạt trên 60%.

- Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng (nếu có) được xử lý đạt 100%; kiểm soát không để phát sinh cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

- Tỷ lệ cụm công nghiệp được thành lập có hệ thống xử lý nước thải công nghiệp tập trung đạt 50%.

- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom và xử lý đúng quy định đạt trên 60%.

- Tỷ lệ chất thải nguy hại được tiêu hủy, xử lý đúng quy định đạt 85%.

- Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt trên 95%.

2.2.2. Định hướng đến năm 2030

- Phấn đấu 100% các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đạt chuẩn về môi trường (theo chỉ tiêu về môi trường quốc gia trong chiến lược 10 năm 2021-2030 tại Văn kiện Đại hội toàn quốc lần thứ XIII của Đảng).

- Tỷ lệ che phủ rừng ổn định và đạt trên 65%.

- Giảm 10% lượng khí phát thải nhà kính.

- Kiểm soát không để phát sinh cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng (theo mục tiêu của Chương trình hành động số 26-CTr/TU ngày 28/11/2016 của Tỉnh ủy).

- Tỷ lệ cụm công nghiệp được thành lập có hệ thống xử lý nước thải công nghiệp tập trung đạt 100%.

- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom và xử lý đúng quy định đạt trên 85%.
- Tỷ lệ chất thải nguy hại được tiêu hủy, xử lý đúng quy định đạt 90%.
- Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt trên 98%.
- Tỷ lệ chi ngân sách nguồn sự nghiệp bảo vệ môi trường không dưới 1% tổng chi ngân sách huyện.

3. Nhiệm vụ và giải pháp

Trên cơ sở quan điểm, mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, dự thảo Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 17-NQ/TU đã đề ra 06 nhóm nhiệm vụ, giải triển khai thực hiện trong thời gian tới.

Thường trực Huyện ủy báo cáo Ban Ban Thường vụ Huyện ủy xem xét, cho ý kiến.

(Kèm theo dự thảo Chương trình hành động về Thực hiện Nghị quyết số 17-NQ/TU, ngày 09/6/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lâm Đồng về tăng cường lãnh đạo công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn huyện Đam Rông).

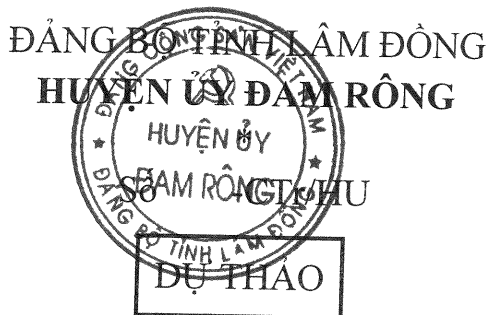
Nơi nhận:

- Thường trực Huyện ủy,
- Các đồng chí UVBTVHU,
- Lưu Văn phòng Huyện ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ**



Đa Cắt K' Hương



ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
Đam Rông, ngày tháng 8 năm 2022

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG
CỦA BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY ĐAM RÔNG
Thực hiện Nghị quyết số 17-NQ/TU, ngày 09/6/2022 của Ban Thường vụ
Tỉnh ủy Lâm Đồng về tăng cường lãnh đạo công tác bảo vệ môi trường
trên địa bàn huyện Đam Rông

Thực hiện Nghị Quyết số 17-NQ/TU, ngày 09/6/2022 của Ban thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường lãnh đạo công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng. Ban Thường vụ Huyện ủy ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết với những nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

1.1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền về bảo vệ môi trường; chủ động giám sát, kiểm soát công tác quản lý môi trường, ngăn ngừa và hạn chế tối đa mức độ gia tăng ô nhiễm; đẩy mạnh thực hiện các giải pháp nhằm nâng cao ý thức, trách nhiệm và tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và hành động bảo vệ môi trường của mỗi công dân, gia đình, cơ quan, đơn vị.

1.2. Nâng cao năng lực quản lý, ưu tiên biện pháp phòng ngừa ô nhiễm và suy thoái môi trường; kịp thời chỉ đạo giải quyết các vấn đề bức xúc, điểm nóng về môi trường, đảm bảo hài hòa giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ môi trường góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển nhanh, toàn diện, bền vững.

1.3. Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, huy động sự tham gia của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, cộng đồng trong công tác bảo vệ môi trường nhằm nâng cao nhận thức, ý thức của người dân về công tác này.

1.4. Tiếp tục quan tâm, chỉ đạo đầu tư nâng cấp hạ tầng kỹ thuật góp phần đảm bảo điều kiện vệ sinh, cảnh quan môi trường và phát triển nông thôn theo hướng hiện đại hóa để góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu chung của huyện Đam Rông đến năm 2025 đạt chuẩn nông thôn mới.

2. Yêu cầu

2.1. Giai đoạn đến năm 2025

- 100% cán bộ, công chức, đảng viên được phổ biến, quán triệt các chủ trương, chính sách của Trung ương và địa phương về bảo vệ môi trường.
- Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đạt chuẩn về môi trường đạt 95%.
- Tỷ lệ che phủ rừng đạt trên 60%.
- Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng (nếu có) được xử lý đạt 100%; kiểm soát không để phát sinh cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.
- Tỷ lệ cụm công nghiệp được thành lập có hệ thống xử lý nước thải công nghiệp tập trung đạt 50%.
- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom và xử lý đúng quy định đạt trên 60%.
- Tỷ lệ chất thải nguy hại được tiêu hủy, xử lý đúng quy định đạt 85%.
- Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt trên 95%.

2.2. Định hướng đến năm 2030

- Phấn đấu 100% các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đạt chuẩn về môi trường *(theo chỉ tiêu về môi trường quốc gia trong chiến lược 10 năm 2021-2030 tại Văn kiện Đại hội toàn quốc lần thứ XIII của Đảng)*.
- Tỷ lệ che phủ rừng ổn định và đạt trên 65%.
- Giảm 10% lượng khí phát thải nhà kính.
- Kiểm soát không để phát sinh cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng *(theo mục tiêu của Chương trình hành động số 26-CTr/TU ngày 28/11/2016 của Tỉnh ủy)*.
- Tỷ lệ cụm công nghiệp được thành lập có hệ thống xử lý nước thải công nghiệp tập trung đạt 100%.
- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom và xử lý đúng quy định đạt trên 85%.
- Tỷ lệ chất thải nguy hại được tiêu hủy, xử lý đúng quy định đạt 90%.
- Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt trên 98%.
- Tỷ lệ chi ngân sách nguồn sự nghiệp bảo vệ môi trường không dưới 1% tổng chi ngân sách huyện.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác bảo vệ môi trường

1.1. Nhiệm vụ và giải pháp

- Các cấp ủy đảng, chính quyền, người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương xác định việc đảm bảo, nâng cao chất lượng môi trường là nhiệm vụ cần tập trung trong chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện thường xuyên, lâu dài; đồng thời, chịu trách nhiệm nếu để xảy ra tình trạng ô nhiễm ảnh hưởng đến chất lượng môi trường ở cơ quan, đơn vị, địa phương mình quản lý.

- Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường theo các văn bản chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh ủy, Huyện ủy. Trong đó, tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 41-NQ/TW ngày 15/11/2004 của Bộ Chính trị về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03/6/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và các chương trình hành động, kế hoạch của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Huyện ủy và UBND huyện thực hiện Nghị quyết.

- Đưa công tác bảo vệ môi trường, sử dụng hiệu quả, tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng trở thành chỉ tiêu đánh giá thi đua của cơ quan, đơn vị, địa phương và cán bộ, công chức, viên chức, hội viên, đoàn viên, người lao động hàng năm và là một trong những tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu gia đình văn hóa, thôn văn hóa, cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hóa.

- Tăng cường vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên trong công tác bảo vệ môi trường; người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp phải tự giác, gương mẫu thực hiện và chỉ đạo thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường. Mỗi cán bộ, đảng viên cần làm tốt công tác bảo vệ môi trường gắn với việc tham gia hoạt động dọn dẹp vệ sinh môi trường khu vực công cộng, chăm sóc cây xanh và giữ gìn vệ sinh môi trường tại nơi làm việc, nơi cư trú. Hàng tháng, trong sinh hoạt cấp ủy, chỉ bộ ở các tổ chức cơ sở đảng cần gắn với đánh giá, kiểm điểm việc lãnh đạo, chỉ đạo và kết quả tổ chức thực hiện.

- Các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ huyện tăng cường theo dõi, bám sát cơ sở, tập trung chỉ đạo và thực hiện chế độ đi thực tế kiểm tra việc chấp hành quy định về pháp luật bảo vệ môi trường ***ít nhất mỗi quý một lần*** tại địa phương xã, đơn vị được phân công phụ trách; người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các địa phương xã kiểm tra thực tế công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn quản lý ***ít nhất mỗi quý một lần***; đồng thời, lãnh đạo, chỉ đạo tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hoạt động kinh doanh, sản xuất, kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý các vi phạm theo quy định.

1.2. Phân công: Đồng chí Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy chỉ đạo trực tiếp; Ủy ban nhân dân huyện, các Ban xây dựng Đảng và Văn phòng Huyện ủy, các cấp ủy trực thuộc Huyện ủy, các đồng chí Huyện ủy viên phối hợp thực hiện.

2. Nâng cao nhận thức, ý thức, hành động về bảo vệ môi trường

2.1. Nhiệm vụ và giải pháp

- Các cấp ủy đảng, chính quyền tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt, phổ biến sâu rộng các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các văn bản chỉ đạo của cấp trên về công tác bảo vệ môi trường theo hướng dẫn tuyên truyền bảo vệ môi trường góp phần phát triển bền vững đất nước của Ban Tuyên giáo Trung ương.

- Thực hiện đổi mới nội dung, đa dạng hóa hình thức tuyên truyền theo hướng tiếp cận đa diện, có ảnh hưởng sâu rộng nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ từ nhận thức đến hành động của các cấp, ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương, cơ sở sản xuất, kinh doanh và tầng lớp nhân dân đối với việc giữ gìn, đảm bảo vệ sinh môi trường. Theo đó, cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, hội viên, đoàn viên, nhất là người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương phải gương mẫu trong thực hiện và tuyên truyền, vận động gia đình, người thân, quần chúng nhân dân tích cực tham gia giữ gìn, đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Đưa công tác bảo vệ môi trường vào định hướng nội dung sinh hoạt chi bộ và tuyên truyền định kỳ hàng tháng. Kết hợp giữa tuyên truyền trực quan với tuyên truyền trên không gian mạng đảm bảo thiết thực, hiệu quả, góp phần nâng cao khả năng tiếp cận, tạo sự tác động mạnh mẽ tới ý thức của tầng lớp nhân dân; cấp ủy, chính quyền, các ngành và địa phương quan tâm chỉ đạo mở chuyên trang, chuyên mục về công tác bảo vệ môi trường trên hệ thống phát thanh huyện, xã; trang thông tin điện tử của huyện, xã,... Thực hiện chính sách khen thưởng, tăng cường nêu gương, khuyến khích các tổ chức, cá nhân tích cực tham gia bảo vệ môi trường và có sáng kiến, giải pháp, mô hình mới, cách làm hay, hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng vệ sinh môi trường. Đồng thời, tạo dư luận xã hội phê phán mạnh mẽ các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường.

- Tăng cường tuyên truyền, giáo dục về bảo vệ môi trường trong hệ thống cơ sở đào tạo, bồi dưỡng chính trị và các trường học nhằm cung cấp kiến thức, xây dựng ý thức tự giác của cán bộ, đảng viên, công chức, người lao động và học viên. Đồng thời, khuyến khích các cơ sở giáo dục, đào tạo tổ chức các hoạt động thiết thực để nâng cao ý thức tự giác bảo vệ môi trường cho học viên, học sinh, nhất là các nội dung về quản lý bảo vệ môi trường, phân loại chất thải và giảm sử dụng nhựa một lần.

- Phát huy mạnh mẽ vai trò, trách nhiệm Khối Dân vận từ huyện đến xã, thôn về công tác bảo vệ môi trường. Ban Dân vận Huyện ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội huyện tăng cường đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, phát huy tính chủ động, sáng tạo, đẩy mạnh tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia thực hiện tốt công tác giữ gìn, đảm bảo vệ sinh môi trường; trong đó tập trung thực hiện: Thu gom và phân loại chất thải rắn tại nguồn, giảm sử dụng nhựa một lần, chăm sóc, bảo vệ cây xanh, bảo vệ hạ tầng kỹ thuật,... Xác định tuyên truyền, vận động là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên, lâu dài của cả hệ thống chính trị, trong đó Tổ Dân vận các thôn, Ban Công tác Mặt trận, các Chi hội đoàn thể là lực lượng nòng cốt.

- Tăng cường công tác bảo vệ môi trường trên cơ sở gắn kết một cách phù hợp với cuộc vận động, phong trào, các mô hình, hoạt động, bao gồm: Phong trào thi đua “*Dân vận khéo*”, Chương trình “*nói không với rác thải nhựa*”, Cuộc vận động “*Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*”, phong trào “*Tuổi cao gương sáng*”, “*Hội viên Hội cựu chiến binh gương mẫu*”, “*5 không 3 sạch*”, các phong trào tình nguyện “*Bảo vệ môi trường*”, mô hình “*Khu dân cư tự quản bảo vệ môi trường*”,... đảm bảo toàn bộ các tuyến đường, vỉa hè, ngõ thôn xóm, khu đất trống, đồng ruộng,... được tổ chức chính trị - xã hội các cấp đảm nhận, tự quản vệ sinh môi trường và hoạt động tích cực, hiệu quả. Đồng thời, thường xuyên và kiên trì nhắc nhở các hộ gia đình, tổ chức, cá nhân chưa thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường; đổ rác, chất thải đúng giờ, đúng nơi quy định và luôn giữ gìn vệ sinh môi trường mọi lúc, mọi nơi.

- Chú trọng xây dựng và thực hiện các quy chế, hương ước, quy ước, cam kết về bảo vệ môi trường nói chung và vệ sinh môi trường nói riêng tại khu dân cư. Thực hiện đánh giá, bình xét chất lượng môi trường ở các khu dân cư do các tổ chức tự quản đảm nhận, từ đó xem xét, đánh giá kết quả hoạt động của Khối dân vận các xã, Tổ dân vận các thôn, các tổ chức đoàn thể hàng năm. Kịp thời biểu dương, khen thưởng các địa bàn, các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình làm tốt; nhắc nhở, phê bình đối với những trường hợp vi phạm, làm chưa tốt. Tiến hành khảo sát, đánh giá hiệu quả các mô hình, cách làm hay, sáng tạo, hiệu quả ở các khu dân cư để nhân rộng, tạo hiệu ứng lan tỏa trên địa bàn huyện.

- Phát huy vai trò giám sát trong công tác bảo vệ môi trường của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và cộng đồng dân cư. Tăng cường sự phối hợp, đoàn kết giữa Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội với cấp ủy, chính quyền địa phương, cơ sở tôn giáo, cộng đồng; giữa Ban Công tác Mặt trận, chi hội đoàn thể xã, thôn với cấp ủy chi bộ, trưởng thôn trong

việc thực hiện các cuộc vận động, phong trào về vệ sinh môi trường, tạo sức lan tỏa sâu rộng trong cộng đồng dân cư và đem lại hiệu quả, ý nghĩa thiết thực.

2.2. Phân công: Đồng chí Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy chỉ đạo trực tiếp; Ủy ban nhân dân huyện, các Ban xây dựng Đảng và Văn phòng Huyện ủy, các cấp ủy trực thuộc Huyện ủy, các đồng chí Huyện ủy viên phối hợp thực hiện.

3. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường

3.1. Nhiệm vụ và giải pháp

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo vệ môi trường; khắc phục tình trạng tổ chức thực hiện thiếu quyết liệt, mang tính hình thức, chỉ coi trọng phát triển kinh tế mà buông lỏng, xem nhẹ vấn đề bảo vệ môi trường. Chú trọng kiểm tra, giám sát việc chấp hành các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về bảo vệ môi trường, hệ sinh thái.

- Tiếp tục kiện toàn, củng cố hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường từ huyện đến xã theo hướng nâng cao năng lực thực thi pháp luật về bảo vệ môi trường; chú trọng phát triển nguồn nhân lực, tăng cường đào tạo chuyên môn, kỹ năng, kiến thức quản lý bảo đảm nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu. Thường xuyên rà soát các quy định pháp luật, xác định trách nhiệm và phân công, phân cấp cụ thể cho các cấp, ngành, cơ quan, đơn vị về quản lý và thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường. Đề cao trách nhiệm người đứng đầu các tổ chức trong hệ thống chính trị về công tác quản lý, bảo vệ môi trường.

- Tích cực tham gia phối hợp với cơ quan có chức năng xây dựng và hoàn thiện công tác điều tra cơ bản, xây dựng bộ cơ sở dữ liệu về môi trường, tăng cường công tác dự báo về tài nguyên và môi trường góp phần quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên bền vững và hiệu quả.

- Gắn mục tiêu, nhiệm vụ bảo vệ môi trường vào các chương trình, kế hoạch, dự án phát triển của các ngành, địa phương. Quản lý chặt chẽ công tác bảo vệ môi trường ngay từ khi phê duyệt, quyết định chủ trương, cấp phép hoạt động các dự án đầu tư,... Thúc đẩy chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng có lợi cho các ngành kinh tế thân thiện với môi trường; hạn chế phát triển các nhóm ngành, nghề có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao, suy thoái môi trường. Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chương trình, kế hoạch, dự án bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai tại chỗ.

- Đẩy mạnh huy động các nguồn lực đầu tư, từng bước hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật môi trường theo hướng đồng bộ, hiện đại, tạo điều kiện thuận lợi nâng cao chất lượng và đảm bảo điều kiện vệ sinh môi trường. Chỉ đạo triển khai thực hiện các công tác quản lý việc phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải.

Quan tâm đầu tư cho hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên cơ sở ứng dụng công nghệ tiên tiến, phương tiện, trang thiết bị hiện đại phù hợp với các quy định mới về quản lý chất thải.

- Thực hiện thu đúng, thu đủ thuế, phí bảo vệ môi trường đối với chất thải nhằm bảo đảm kinh phí cho xử lý chất thải và tạo nguồn vốn đầu tư trở lại cho hoạt động bảo vệ môi trường. Đồng thời, đẩy mạnh thực hiện tốt cơ chế chi trả dịch vụ môi trường rừng, chi trả dịch vụ hệ sinh thái nhằm tạo nguồn vốn đầu tư, duy trì công tác quản lý, bảo vệ môi trường, bảo vệ và phát triển rừng.

3.2. Phân công: Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo chung; các phòng, ban, đơn vị liên quan, Ủy ban nhân dân các xã, các Đồng chí Huyện ủy viên tổ chức thực hiện.

4. Chú trọng công tác phòng ngừa và kiểm soát và khắc phục các nguồn gây ô nhiễm môi trường

4.1. Nhiệm vụ và giải pháp

- Thực hiện nhất quán công tác lãnh đạo, chỉ đạo; lấy nhiệm vụ bảo vệ môi trường sống và sức khỏe nhân dân làm mục tiêu hàng đầu; kiên quyết không chấp thuận đầu tư và loại bỏ những dự án nguy cơ cao gây ô nhiễm môi trường.

- Bảo vệ hiệu quả hệ sinh thái tự nhiên, phục hồi và nâng cao giá trị đa dạng sinh học được bảo tồn; mở rộng và nâng cao hiệu quả quản lý hệ thống các di sản thiên nhiên; xử lý nghiêm các hành vi lấn chiếm đất rừng, săn bắt, khai thác, tiêu thụ các loại động vật hoang dã trái pháp luật trên địa bàn.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động quản lý, bảo vệ môi trường nhằm phát hiện sớm và kịp thời xử lý nghiêm hành vi thu gom, thải bỏ chất thải trái quy định, gây ô nhiễm môi trường. Thực hiện nghiêm biện pháp phòng ngừa, sử dụng công nghệ, máy móc, phương tiện, thiết bị cũ, lạc hậu, nguy cơ ô nhiễm môi trường. Triển khai đồng bộ có hiệu quả công tác phối hợp giữa việc kiểm tra, thanh tra của cơ quan quản lý nhà nước về môi trường các cấp với hoạt động đấu tranh, phòng, chống tội phạm môi trường của lực lượng cảnh sát môi trường.

- Thiết lập và duy trì đường dây nóng tiếp nhận các thông tin, phản ánh, kiến nghị của các tổ chức, cá nhân về việc vi phạm trong lĩnh vực môi trường; giải quyết dứt điểm, không để phát sinh điểm nóng, tình trạng ô nhiễm kéo dài; tập trung lãnh đạo, chỉ đạo khắc phục sự cố môi trường (nếu có) gây ảnh hưởng đến sức khỏe nhân dân và tạo hình ảnh xấu trong dư luận.

- Thực hiện chính sách khuyến khích các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14000.

- Tạo điều kiện triển khai các chính sách phát triển bền vững với nền kinh tế tuần hoàn là chủ đạo: phát triển năng lượng tái tạo, năng lượng sạch đáp ứng yêu cầu phát triển, cùng với đổi mới công nghệ xử lý chất thải, tái chế, tái sử dụng chất thải, sản xuất năng lượng từ chất thải; phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh thái phù hợp, tăng khả năng chống chịu, thích ứng với biến đổi khí hậu; khuyến khích tiêu dùng bền vững, thân thiện môi trường, hạn chế tối đa sử dụng hóa chất độc hại, giảm sử dụng sản phẩm nhựa một lần.

4.2. Phân công: Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo chung; các phòng, ban, đơn vị liên quan, Ủy ban nhân dân các xã, các Đồng chí Huyện ủy viên tổ chức thực hiện.

5. Đổi mới, hoàn thiện các cơ chế, chính sách; tăng cường và đa dạng hóa các nguồn lực về bảo vệ môi trường

5.1. Nhiệm vụ và giải pháp

- Tiếp tục rà soát, đề xuất bổ sung các cơ chế, chính sách theo quy định pháp luật về môi trường; khuyến khích, hỗ trợ đầu tư đa dạng hóa thành phần kinh tế tham gia hoạt động bảo vệ môi trường, đặc biệt tham gia các dịch vụ thu gom, tái chế và xử lý chất thải rắn, rác thải sinh hoạt; đầu tư, áp dụng công nghệ sạch và thân thiện với môi trường; xây dựng các mô hình và phát triển kiến trúc xanh, nông nghiệp hữu cơ thân thiện môi trường; thúc đẩy tiêu dùng, sử dụng sản phẩm thân thiện với môi trường.

- Ưu tiên phân bổ nguồn vốn đầu tư phát triển cho bảo vệ môi trường. Tranh thủ tối đa và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư cho bảo vệ môi trường, nhất là nguồn vốn xã hội hóa đầu tư hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện.

- Chú trọng đa dạng hóa các loại hình hoạt động bảo vệ môi trường; phát động phong trào toàn dân bảo vệ môi trường; nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến trong hoạt động bảo vệ môi trường; xây dựng và thực hiện các cam kết bảo vệ môi trường tại khu dân cư; nhân rộng các mô hình cộng đồng dân cư tự quản trong hoạt động bảo vệ môi trường. Đề cao trách nhiệm, tăng cường sự tham gia có hiệu quả của Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội các cấp, cơ quan truyền thông trong hoạt động bảo vệ môi trường.

5.2. Phân công: Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo chung; các phòng, ban, đơn vị liên quan, Ủy ban nhân dân các xã, các Đồng chí Huyện ủy viên tổ chức thực hiện.

6. Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ vào bảo vệ môi trường, thúc đẩy hợp tác về bảo vệ môi trường

6.1. Nhiệm vụ và giải pháp

- Khuyến khích thành lập các trung tâm chuyển giao công nghệ, trung tâm tư vấn khoa học công nghệ môi trường, nông lâm nghiệp và các trung tâm đào tạo, tổ chức mạng lưới khuyến lâm, khuyến nông trên địa bàn huyện. Đẩy mạnh việc ứng dụng và chuyển giao công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường, nhất là công nghệ xử lý, tái chế và tái sử dụng chất thải. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác bảo vệ môi trường; xây dựng và nhân rộng các mô hình về sản xuất sản phẩm sạch.

- Tiếp tục ứng dụng và nhân rộng các giải pháp xử lý chất thải với chi phí thấp; hạn chế và giảm tối đa các hoạt động kinh tế sử dụng nhiều tài nguyên, gây ô nhiễm môi trường.

- Đẩy mạnh hợp tác các địa phương giáp ranh của huyện trong tiếp nhận, chuyển giao công nghệ mới, tiên tiến về phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm, xử lý chất thải; chú trọng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, trao đổi kinh nghiệm trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học và ứng phó biến đổi khí hậu.

6.2. Phân công: Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo chung; các phòng, ban, đơn vị liên quan, Ủy ban nhân dân các xã, các Đồng chí Huyện ủy viên tổ chức thực hiện.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tổ chức quán triệt và xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình hành động phù hợp với đặc điểm, tình hình thực tế của địa phương, đơn vị, đảm bảo hiệu quả, thiết thực; định kỳ hàng năm tổ chức sơ kết rút kinh nghiệm, đề ra biện pháp thực hiện trong thời gian tới.

2. Ủy ban nhân dân huyện xây dựng kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình hành động. Chú trọng kiện toàn hệ thống tổ chức bộ máy quản lý Nhà nước về môi trường từ huyện đến cơ sở. Ban hành các văn bản, hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật có liên quan đến công tác bảo vệ môi trường. Chủ trì chỉ đạo, phối hợp các cơ quan có liên quan thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc tổ chức thực hiện; định kỳ báo cáo Huyện ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy.

3. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội huyện xây dựng kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, quán triệt, giáo dục, vận động đoàn viên, hội viên

và các tầng lớp nhân dân chấp hành pháp luật, tích cực thực hiện và tham gia các phong trào bảo vệ môi trường trên địa bàn; phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội, tham gia góp ý về công tác bảo vệ môi trường trong thực hiện Chương trình.

4. Ban Tuyên giáo Huyện ủy chủ trì, phối hợp với Phòng Văn hóa – Thông tin, Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao và các đơn vị có liên quan xây dựng kế hoạch tuyên truyền có hiệu quả, thiết thực, góp phần nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cộng đồng trong thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường; phê phán các hành vi vi phạm, kịp thời biểu dương, nhân rộng các điển hình trên lĩnh vực bảo vệ môi trường.

5. Hội đồng nhân dân huyện phân bổ ngân sách hàng năm đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình hành động, lãnh đạo việc giám sát thực hiện Chương trình.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, các cơ quan, đơn vị có vướng mắc phát sinh báo cáo UBND huyện, Thường trực Huyện ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy để chỉ đạo giải quyết kịp thời.

Chương trình hành động này được phổ biến đến chi bộ, toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân để tổ chức thực hiện.

Nơi nhận:

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy,
- Các Ban và Văn phòng Tỉnh ủy,
- Ban cán sự UBND tỉnh,
- TT HU, TT HĐND huyện,
- UBND huyện,
- Các Ban và Văn phòng Huyện ủy,
- Các TCCSĐ trực thuộc Huyện ủy,
- Các phòng, ban, ngành của huyện,
- Các đồng chí Huyện ủy viên,
- Lưu Văn phòng Huyện ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ**

Nguyễn Văn Lộc

TỜ TRÌNH

Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TU ngày 25/7/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lâm Đồng về đào tạo, phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trên địa bàn huyện Đam Rông đến năm 2025, định hướng đến năm 2030

Kính gửi: Ban Thường vụ Huyện ủy.

Thực hiện Quy chế số 05-QC/HU, ngày 16/8/2022 của Huyện ủy về Quy chế làm việc của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và Thường trực Huyện ủy khóa IV, nhiệm kỳ 2020 - 2025; Chương trình công tác toàn khóa, Chương trình công tác năm 2022 của Huyện ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy; UBND huyện tham mưu dự thảo Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TU ngày 25/7/2022 của Tỉnh ủy Lâm Đồng về đào tạo, phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trên địa bàn huyện đến năm 2025 định hướng đến năm 2030.

Thường trực Huyện ủy kính trình Ban Thường vụ Huyện ủy dự thảo Chương trình hành động về đào tạo, phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trên địa bàn huyện đến năm 2025 định hướng đến năm 2030 gồm các nội dung chính như sau:

1. Tình hình

Dự thảo Chương trình hành động đã bám sát các nội dung tại Nghị quyết số 20-NQ/TU, ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Tỉnh ủy Lâm Đồng; cơ bản đánh giá đầy đủ các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp về đào tạo, phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trên địa bàn huyện đến năm 2025 định hướng đến năm 2030; những kết quả đã đạt được, tồn tại hạn chế trong việc phát triển nguồn nhân lực trên địa bàn huyện trong những năm qua.

2. Quan điểm, mục tiêu

2.1 Quan điểm

- Phát triển nguồn nhân lực là nhiệm vụ thường xuyên và có tính chiến lược lâu dài; là một trong bốn đột phá chiến lược phát triển kinh tế - xã hội; là nhiệm vụ trọng tâm của các cấp, các ngành, trách nhiệm của toàn xã hội.

- Phát triển nguồn nhân lực phải dựa trên nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế; chú trọng

phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, tạo bước đột phá về năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

- Phát triển nguồn nhân lực phải có tầm nhìn dài hạn và có bước đi thích hợp theo yêu cầu phát triển của từng giai đoạn, từng lĩnh vực, đảm bảo hài hòa về cơ cấu và cân đối nhân lực theo ngành, lĩnh vực và theo vùng.

2.2 Mục tiêu chung

- Phát triển nguồn nhân lực đủ về số lượng và cơ cấu hợp lý, chất lượng không ngừng được nâng lên nhằm đáp ứng yêu cầu tái cơ cấu kinh tế, trọng tâm là cơ cấu lại nông nghiệp; phát triển mạnh dịch vụ, du lịch; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập, đảm bảo quốc phòng, an ninh, xây dựng hệ thống chính trị.

- Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, nguồn nhân lực công nghệ thông tin để triển khai hiệu quả chính quyền điện tử, nền kinh tế số; thúc đẩy mạnh mẽ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tạo bước đột phá về năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh của nền kinh tế.

3. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025

3.1. Đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

Xây dựng đội ngũ CBCCVC các cấp có cơ cấu hợp lý, đáp ứng tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và khung năng lực theo quy định; có đủ phẩm chất, trình độ và năng lực, đáp ứng yêu cầu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế. Phấn đấu đạt các mục tiêu cụ thể sau:

a. Đối với cán bộ, công chức:

- Tỷ lệ CBCC có trình độ sau đại học cấp huyện đạt từ 15% trở lên; tỷ lệ CBCC cấp xã có trình độ đại học đạt từ 65% trở lên.

- Bảo đảm hàng năm, cán bộ, công chức các cấp được bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu huyện đạt 80%, cấp xã đạt 60%; bồi dưỡng nâng cao kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin; bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh 01 lần trong nhiệm kỳ.

- Có 25% cán bộ, công chức cấp huyện (*tập trung vào cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý từ cấp phòng và tương đương trở lên dưới 40 tuổi*) đạt trình độ ngoại ngữ bậc 4 trở lên; 20% cán bộ, công chức xã và 15% cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý cấp xã dưới 40 tuổi công tác tại địa bàn hoặc lĩnh vực có yêu cầu sử dụng ngoại ngữ đạt trình độ ngoại ngữ bậc 3.

- Phấn đấu 100% cán bộ, công chức cấp xã là người Kinh công tác tại vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống được đào tạo và sử dụng được ít nhất một thứ tiếng dân tộc tại địa bàn công tác.

b. Đối với viên chức:

- Hàng năm, ít nhất 60% viên chức được bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu vị trí việc làm.

- Có 60% viên chức và 50% viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý đạt trình độ ngoại ngữ bậc 4 trở lên.

- Có 100% giáo viên mầm non có trình độ đạt chuẩn, trong đó có 78% giáo viên trình độ đào tạo trên chuẩn (*trình độ đại học trở lên*). Có 85% giáo viên tiểu học có trình độ đạt chuẩn (*trình độ đại học*), trong đó 1% giáo viên có trình độ trên chuẩn (*trình độ thạc sĩ trở lên*). Có 90% giáo viên trung học cơ sở có trình độ đạt chuẩn, trong đó 1,5% giáo viên có trình độ trên chuẩn. Phần đầu có 13% giáo viên trung học phổ thông đạt trình độ thạc sĩ trở lên.

- Có 100% trạm y tế xã có bác sĩ công tác thường xuyên tại trạm; có từ 15% viên chức là bác sĩ, dược sĩ được đào tạo sau đại học; có 08 - 09 bác sĩ/vận dân, 1,2 dược sĩ đại học/vận dân.

3.2. Đối với người lao động:

a. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt từ 35%.

b. Tỷ lệ thất nghiệp của lao động trong độ tuổi dưới 1%; giải quyết việc làm bình quân hàng năm cho 1.000 - 1.500 lao động.

c. Có 35% số người dân trong độ tuổi lao động biết và có kỹ năng sử dụng các loại hình dịch vụ công trực tuyến và các dịch vụ số thiết yếu.

d. Có khoảng 60% số lao động được đào tạo nghề thuộc nhóm ngành nông, lâm nghiệp.

4. Định hướng đến năm 2030

- Tỷ lệ CBCC có trình độ trên đại học cấp huyện đạt từ 20% trở lên; 100% CBCC cấp xã có trình độ cao đẳng, đại học.

- Có từ 20 - 25% số cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp huyện dưới 40 tuổi.

- Có 35% cán bộ, công chức cấp huyện (*tập trung vào cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý từ cấp phòng và tương đương trở lên dưới 40 tuổi*) đạt trình độ ngoại ngữ bậc 4 trở lên; 30% cán bộ, công chức cấp xã và 25% cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý cấp xã dưới 40 tuổi công tác tại địa bàn hoặc lĩnh vực có yêu cầu sử dụng ngoại ngữ đạt trình độ ngoại ngữ bậc 3. Có 70% viên chức và 60% viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý đạt trình độ ngoại ngữ bậc 4 trở lên.

- Có 90% giáo viên mầm non có trình độ đào tạo trên chuẩn (*trình độ đại học trở lên*). Có 100% giáo viên tiểu học có trình độ đạt chuẩn (*trình độ đại học*), trong

đó 2% giáo viên có trình độ trên chuẩn (*trình độ thạc sĩ trở lên*). Có 100% giáo viên trung học cơ sở có trình độ đạt chuẩn, trong đó 3% giáo viên có trình độ trên chuẩn. Phần đầu có 15% giáo viên trung học phổ thông đạt trình độ thạc sĩ trở lên.

- Có 100% trạm y tế xã có bác sĩ công tác thường xuyên tại trạm; có 08 - 09 bác sĩ/vận dân; 1,2 dược sĩ đại học/vận dân; 18% viên chức là bác sĩ, dược sĩ được đào tạo sau đại học.

- 40% số người dân trong độ tuổi lao động biết và có kỹ năng sử dụng các loại hình dịch vụ công trực tuyến và các dịch vụ số thiết yếu.

- Có khoảng 65% số lao động được đào tạo nghề thuộc nhóm ngành nông nghiệp.

3. Nhiệm vụ và giải pháp

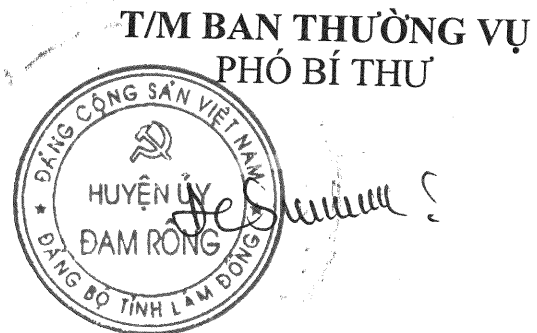
Trên cơ sở quan điểm, mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, dự thảo Chương trình hành động đã đề ra 04 nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu để triển khai thực hiện trong thời gian tới.

Thường trực Huyện ủy báo cáo Ban Thường vụ Huyện ủy xem xét, cho ý kiến.

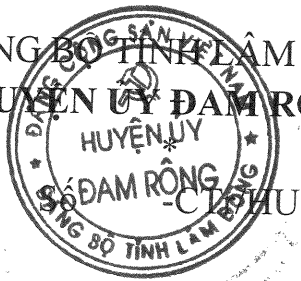
(Kèm theo dự thảo Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TU ngày 25/7/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lâm Đồng về đào tạo, phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trên địa bàn huyện Đam Rông đến năm 2025 định hướng đến năm 2030).

Nơi nhận:

- Thường trực Huyện ủy,
- Các đồng chí UVBTHU,
- Các đồng chí Huyện ủy viên,
- Lưu Văn phòng Huyện ủy.



Đa Cát K' Hương



**CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG
CỦA BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY**

Thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TU, ngày 25/7/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đào tạo, phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trên địa bàn huyện Đam Rông đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Phần thứ nhất

**KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC
HUYỆN ĐAM RÔNG TRONG THỜI GIAN QUA**

Những năm qua, nhận thức rõ vai trò, ý nghĩa của nguồn nhân lực đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh, Huyện ủy đã ban hành Nghị quyết số 08-NQ/HU, ngày 07/7/2017 về “*đào tạo, phát triển và nâng cao nguồn nhân lực huyện Đam Rông giai đoạn 2017 - 2020 và định hướng đến năm 2025*” (viết tắt là *Nghị quyết 08-NQ/HU*) và tập trung lãnh đạo cấp ủy, chính quyền triển khai thực hiện đạt nhiều kết quả tích cực. Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức (CBCCVC) cơ bản đảm bảo số lượng, đạt chuẩn về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định. Nhiều chỉ tiêu vượt so với Nghị quyết 08-NQ/HU đề ra (*như chỉ tiêu: Tỷ lệ CBCC cấp huyện có trình độ sau đại học tăng 9,27% so với Nghị quyết và CBCC cấp xã có trình độ đại học tăng 20,83% so với Nghị quyết; tỷ lệ CBCCVC được bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm đạt trên 80% so với Nghị quyết*). Lực lượng lao động tăng cả về số lượng và chất lượng, tỷ lệ lao động qua đào tạo ngày càng tăng và tỷ lệ thất nghiệp của lao động trong độ tuổi đạt dưới 1%.

Bên cạnh kết quả đạt được nguồn nhân lực của huyện vẫn còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Trình độ, năng lực một bộ phận CBCCVC chưa đáp ứng nhiệm vụ trong tình hình mới. Năng suất, chất lượng lao động còn thấp, cơ cấu lao động chuyển dịch còn chậm; lao động, việc làm và dạy nghề còn nhiều bất cập, đào tạo chưa gắn với nhu cầu sử dụng, có những ngành đào tạo dư thừa, sinh viên ra trường không tìm được việc làm; bên cạnh đó còn có những ngành, lĩnh vực thiếu hoặc không tuyển đủ lao động (*công nghệ thông tin, xây dựng, bác sĩ...*) dẫn đến một lượng lao động làm việc không theo đúng ngành

nghề, chuyên môn được đào tạo, gây lãng phí nguồn lực và sử dụng lao động chưa hiệu quả, năng suất lao động xã hội chậm được cải thiện. Cơ chế, chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao còn bất cập.

Nguyên nhân chủ yếu của tồn tại, hạn chế đó là: Một số cấp ủy, chính quyền chưa quan tâm đúng mức công tác phát triển nguồn nhân lực; ý thức, trách nhiệm và tinh thần tự giác học tập, rèn luyện trong một bộ phận CBCCVC, người lao động chưa cao; việc áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất còn hạn chế; công tác tư vấn đào tạo nghề cho người lao động và việc quản lý nhà nước về đào tạo nghề, nhất là đào tạo nghề theo nhu cầu xã hội còn hạn chế; thiếu cơ chế, chính sách phù hợp để thu hút, phát triển nguồn nhân lực.

Phần thứ hai

QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP ĐÀO TẠO, PHÁT TRIỂN VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NGUỒN NHÂN LỰC HUYỆN ĐAM RÔNG ĐẾN NĂM 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

- Phát triển nguồn nhân lực là nhiệm vụ thường xuyên và có tính chiến lược lâu dài; là một trong bốn đột phá chiến lược phát triển kinh tế - xã hội; là nhiệm vụ trọng tâm của các cấp, các ngành, trách nhiệm của toàn xã hội.

- Phát triển nguồn nhân lực phải dựa trên nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế; chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, tạo bước đột phá về năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

- Phát triển nguồn nhân lực phải có tầm nhìn dài hạn và có bước đi thích hợp theo yêu cầu phát triển của từng giai đoạn, từng lĩnh vực, đảm bảo hài hòa về cơ cấu và cân đối nhân lực theo ngành, lĩnh vực và theo vùng.

2. Mục tiêu chung

- Phát triển nguồn nhân lực đủ về số lượng và cơ cấu hợp lý, chất lượng không ngừng được nâng lên nhằm đáp ứng yêu cầu tái cơ cấu kinh tế, trọng tâm là cơ cấu lại nông nghiệp; phát triển mạnh dịch vụ, du lịch; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập, đảm bảo quốc phòng, an ninh, xây dựng hệ thống chính trị.

- Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, nguồn nhân lực công nghệ thông tin để triển khai hiệu quả chính quyền điện tử, nền kinh tế số; thúc đẩy mạnh mẽ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tạo bước đột phá về năng

suất, chất lượng, sức cạnh tranh của nền kinh tế.

3. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025

3.1. Đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

Xây dựng đội ngũ CBCCVC các cấp có cơ cấu hợp lý, đáp ứng tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và khung năng lực theo quy định; có đủ phẩm chất, trình độ và năng lực, đáp ứng yêu cầu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế. Phân đầu đạt các mục tiêu cụ thể sau:

a) Đối với cán bộ, công chức:

- Tỷ lệ CBCC có trình độ sau đại học cấp huyện đạt từ 15% trở lên; tỷ lệ CBCC cấp xã có trình độ đại học đạt từ 65% trở lên.

- Bảo đảm hàng năm, cán bộ, công chức các cấp được bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu huyện đạt 80%, cấp xã đạt 60%; bồi dưỡng nâng cao kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin; bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh 01 lần trong nhiệm kỳ.

- Có 25% cán bộ, công chức cấp huyện (*tập trung vào cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý từ cấp phòng và tương đương trở lên dưới 40 tuổi*) đạt trình độ ngoại ngữ bậc 4 trở lên; 20% cán bộ, công chức xã và 15% cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý cấp xã dưới 40 tuổi công tác tại địa bàn hoặc lĩnh vực có yêu cầu sử dụng ngoại ngữ đạt trình độ ngoại ngữ bậc 3.

- Phân đầu 100% cán bộ, công chức cấp xã là người Kinh công tác tại vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống được đào tạo và sử dụng được ít nhất một thứ tiếng dân tộc tại địa bàn công tác.

b) Đối với viên chức:

- Hàng năm, ít nhất 60% viên chức được bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu vị trí việc làm.

- Có 60% viên chức và 50% viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý đạt trình độ ngoại ngữ bậc 4 trở lên.

- Có 100% giáo viên mầm non có trình độ đạt chuẩn, trong đó có 78% giáo viên trình độ đào tạo trên chuẩn (*trình độ đại học trở lên*). Có 85% giáo viên tiểu học có trình độ đạt chuẩn (*trình độ đại học*), trong đó 1% giáo viên có trình độ trên chuẩn (*trình độ thạc sĩ trở lên*). Có 90% giáo viên trung học cơ sở có trình độ đạt chuẩn, trong đó 1,5% giáo viên có trình độ trên chuẩn. Phân đầu có 13% giáo viên trung học phổ thông đạt trình độ thạc sĩ trở lên.

- Có 100% trạm y tế xã có bác sĩ công tác thường xuyên tại trạm; có từ 15% viên chức là bác sĩ, dược sĩ được đào tạo sau đại học; có 08 - 09 bác sĩ/vận dân, 1,2

được sĩ đại học/vạn dân.

3.2. Đối với người lao động:

- a) Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt từ 35%.
- b) Tỷ lệ thất nghiệp của lao động trong độ tuổi dưới 1%; giải quyết việc làm bình quân hàng năm cho 1.000 - 1.500 lao động.
- c) Có 35% số người dân trong độ tuổi lao động biết và có kỹ năng sử dụng các loại hình dịch vụ công trực tuyến và các dịch vụ số thiết yếu.
- d) Có khoảng 60% số lao động được đào tạo nghề thuộc nhóm ngành nông, lâm nghiệp.

4. Định hướng đến năm 2030

- Tỷ lệ CBCC có trình độ trên đại học cấp huyện đạt từ 20% trở lên; 100% CBCC cấp xã có trình độ cao đẳng, đại học.
- Có từ 20 - 25% số cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp huyện dưới 40 tuổi.
- Có 35% cán bộ, công chức cấp huyện (*tập trung vào cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý từ cấp phòng và tương đương trở lên dưới 40 tuổi*) đạt trình độ ngoại ngữ bậc 4 trở lên; 30% cán bộ, công chức cấp xã và 25% cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý cấp xã dưới 40 tuổi công tác tại địa bàn hoặc lĩnh vực có yêu cầu sử dụng ngoại ngữ đạt trình độ ngoại ngữ bậc 3. Có 70% viên chức và 60% viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý đạt trình độ ngoại ngữ bậc 4 trở lên.
- Có 90% giáo viên mầm non có trình độ đào tạo trên chuẩn (*trình độ đại học trở lên*). Có 100% giáo viên tiểu học có trình độ đạt chuẩn (*trình độ đại học*), trong đó 2% giáo viên có trình độ trên chuẩn (*trình độ thạc sĩ trở lên*). Có 100% giáo viên trung học cơ sở có trình độ đạt chuẩn, trong đó 3% giáo viên có trình độ trên chuẩn. Phần đầu có 15% giáo viên trung học phổ thông đạt trình độ thạc sĩ trở lên.
- Có 100% trạm y tế xã có bác sỹ công tác thường xuyên tại trạm; có 08 - 09 bác sỹ/vạn dân; 1,2 dược sỹ đại học/vạn dân; 18% viên chức là bác sỹ, dược sỹ được đào tạo sau đại học.
- 40% số người dân trong độ tuổi lao động biết và có kỹ năng sử dụng các loại hình dịch vụ công trực tuyến và các dịch vụ số thiết yếu.
- Có khoảng 65% số lao động được đào tạo nghề thuộc nhóm ngành nông nghiệp.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, hiệu quả quản lý nhà nước của các cấp chính quyền về phát triển nguồn nhân lực

- Các cấp ủy, chính quyền tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển nguồn nhân lực; tập trung tuyên truyền nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội về phát triển nguồn nhân lực, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức, hành động ở các cấp, các ngành, mỗi cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân.

- Cụ thể hóa nhiệm vụ phát triển nguồn nhân lực trong chương trình, kế hoạch hàng năm, 5 năm; gắn với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của các cấp, các ngành đảm bảo chặt chẽ, đồng bộ, hiệu quả.

- Phân định rõ trách nhiệm của các cấp, các ngành trong công tác theo dõi, dự báo, xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển nguồn nhân lực, trọng tâm là nguồn nhân lực phục vụ phát triển nông nghiệp xanh, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp, dịch vụ du lịch và một số ngành huyện có thế mạnh; nguồn nhân lực công nghệ thông tin để triển khai hiệu quả chính quyền điện tử, nền kinh tế số; thúc đẩy mạnh mẽ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để tạo bước đột phá về năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

2. Xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

- Tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện có hiệu quả Quyết định số 163/QĐ-TTg, ngày 25/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ CBCCVC giai đoạn 2016-2025; Kế hoạch số 63-KH/TU, ngày 10/10/2018 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 19/5/2018 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ.

- Xây dựng, hoàn thiện đề án vị trí việc làm của các cơ quan, đơn vị đảm bảo xác định phù hợp số vị trí việc làm, khung năng lực, cơ cấu ngạch và số lượng người làm việc, đáp ứng yêu cầu tinh giản tổ chức bộ máy, biên chế, cơ cấu lại đội ngũ CBCCVC, nâng cao hiệu lực hiệu quả quản lý nhà nước và hoạt động của hệ thống chính trị.

- Xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên các cấp, đảm bảo đủ về số lượng, giỏi chuyên môn, nghiệp vụ, có đạo đức nghề nghiệp; từng bước nâng chuẩn trình độ đào tạo của đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục ở các cấp học, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hoá.

- Xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ y tế có trình độ chuyên môn và quản lý giỏi, có ý thức và tâm huyết với nghề, đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh của nhân dân. Đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ y tế có trình độ trung cấp, cao đẳng lên trình độ đại học, xây dựng đội ngũ cán bộ y tế tuyến cơ

sở có đủ năng lực chuyên môn thực hiện công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu tại tuyến cơ sở, nhất là tại các xã khó khăn.

- Đào tạo, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao bằng nguồn ngân sách nhà nước những người có trình độ đào tạo, học hàm, học vị gồm: Bác sĩ chuyên khoa II, I; bác sĩ nội trú; bác sĩ; dược sĩ (*hệ đại học loại giỏi, xuất sắc*); thạc sĩ, đại học, giáo viên thuộc ngành nghề mà huyện có nhu cầu.

3. Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về phát triển nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, nhất là các ngành nghề mà huyện có lợi thế

3.1. Thực hiện tốt công tác khảo sát, dự báo, quy hoạch phát triển nguồn nhân lực. Rà soát, đánh giá, xác định nhu cầu về số lượng, chất lượng, cơ cấu và trình độ nguồn nhân lực trong các ngành, lĩnh vực, địa phương; tăng cường dự báo, xây dựng quy hoạch phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển những ngành, lĩnh vực có lợi thế. Xây dựng hệ thống thông tin thị trường lao động cung cấp thông tin về nhu cầu lao động thực tế của các ngành, nghề làm cầu nối trong việc giải quyết quan hệ giữa người lao động và người sử dụng lao động.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, tư vấn giáo dục nghề nghiệp gắn với thị trường lao động để các cấp, các ngành, người dân và đặc biệt là lao động trẻ tiếp cận thực tế nhu cầu của thị trường lao động và định hướng tham gia cơ hội học tập, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phù hợp, gắn với cơ hội việc làm. Triển khai hiệu quả các chương trình, đề án, dự án về đào tạo nghề phù hợp với yêu cầu phát triển và nhu cầu thị trường; gắn đào tạo nghề với giải quyết việc làm và nâng cao năng suất lao động, thu nhập và xuất khẩu lao động.

3.2. Sắp xếp lại và nâng cao chất lượng đào tạo của Trung tâm GDNN-GDTX huyện phù hợp với nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực từng ngành, lĩnh vực. Đẩy mạnh hoạt động tư vấn, giáo dục hướng nghiệp, phân luồng học sinh sau trung học, tạo nền tảng cho phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Định hướng các ngành nghề cần đào tạo chuyên sâu cho các cơ sở đào tạo trên địa bàn huyện, chú trọng những ngành nghề để phát triển công nghệ thông tin, nông nghiệp, dịch vụ du lịch và một số ngành, lĩnh vực huyện có thế mạnh.

Đẩy mạnh đào tạo theo nhu cầu xã hội, gắn trách nhiệm của doanh nghiệp với đào tạo nhân lực để thu hút doanh nghiệp tham gia vào hoạt động đào tạo, sử dụng lao động. Tăng cường hợp tác, liên kết với các cơ sở đào tạo có uy tín đào tạo nguồn nhân lực, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ; xã hội hóa, khuyến khích các doanh nghiệp, thu hút nguồn lực đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo, nhất là giáo dục và đào tạo chất lượng cao.

3.3. Tập trung chỉ đạo cụ thể hoá và thực hiện có hiệu quả Đề án tổng thể

phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam giai đoạn 2011 - 2030 trên địa bàn huyện. Thực hiện có hiệu quả chương trình mục tiêu về y tế. Nâng cao năng lực hệ thống y tế dự phòng, chủ động phòng, chống có hiệu quả các loại dịch bệnh. Bảo đảm có đủ số lượng y, bác sĩ và trang thiết bị, kỹ thuật để nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân.

3.4. Quan tâm phát triển nguồn nhân lực khu vực nông nghiệp, nông thôn:

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn thông qua hướng dẫn khoa học kỹ thuật, phương thức sản xuất tiên tiến cho nông dân; đào tạo, phát triển ngành, nghề tiểu thủ công nghiệp; hướng dẫn khuyến nông, khuyến lâm, triển khai trình diễn các mô hình sản xuất mới.

- Thực hiện hiệu quả chính sách hỗ trợ và tổ chức đào tạo nghề ở khu vực nông thôn và vùng dân tộc thiểu số; thu hút, sử dụng sinh viên tốt nghiệp đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp tham gia xây dựng nông thôn mới, quản lý hợp tác xã, trang trại.

3.5. Xây dựng, phát triển nguồn nhân lực du lịch, dịch vụ đảm bảo cơ cấu hợp lý về số lượng và chất lượng, cân đối về cơ cấu ngành nghề và trình độ đào tạo, đáp ứng yêu cầu cạnh tranh, hội nhập. Có chính sách nâng cao chất lượng nhân lực du lịch, tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cho cộng đồng dân cư tham gia kinh doanh du lịch nhằm góp phần quảng bá điểm đến và hình ảnh du lịch địa phương.

3.6. Phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin để triển khai hiệu quả chính quyền điện tử, nền kinh tế số; thúc đẩy mạnh mẽ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để tạo bước đột phá về năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của nền kinh tế; nâng cao nhận thức về chuyển đổi số; phổ cập khả năng chuyển đổi số.

4. Xây dựng, thực hiện tốt các cơ chế, chính sách phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao

- Điều chỉnh, bổ sung và ban hành mới các cơ chế, chính sách nhằm khuyến khích, phát triển nguồn nhân lực; tạo môi trường làm việc thuận lợi để phát huy, thu hút, giữ chân những cán bộ khoa học kỹ thuật có trình độ chuyên môn cao, sinh viên tốt nghiệp loại giỏi, xuất sắc tại các trường nghề, cao đẳng, đại học trong và ngoài nước đến làm việc tại huyện; khuyến khích tính chủ động, sáng tạo của từng địa phương, cơ quan, đơn vị trong công tác phát triển nguồn nhân lực.

- Xây dựng và thực hiện hiệu quả chế độ thưởng và hỗ trợ thu hút đối với CBCCVV nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, nguồn nhân lực công nghệ thông tin để triển khai hiệu quả chính quyền

điện tử, nền kinh tế số; khuyến khích, tạo điều kiện cho CBCCVC tự học tập, nghiên cứu nâng cao trình độ, đáp ứng tốt yêu cầu công việc.

- Thực hiện tốt chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với các đối tượng chính sách và cơ chế tín dụng cho học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn được vay để học đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và học nghề.

- Hàng năm, bố trí một phần trong tổng chi thường xuyên ngân sách của huyện, kết hợp với huy động các nguồn lực trong các doanh nghiệp, của xã hội để thực hiện việc thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao.

Phần thứ ba

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ủy ban nhân dân huyện chủ trì, phối hợp với Ban Tổ chức Huyện ủy xây dựng kế hoạch triển khai tổ chức thực hiện Nghị quyết; chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, định kỳ sơ kết, tổng kết báo cáo Huyện ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy kết quả thực hiện chương trình này.

2. Ban Tuyên giáo Huyện ủy xây dựng kế hoạch hướng dẫn việc học tập, quán triệt; đồng thời chỉ đạo các cơ quan thông tin đại chúng tuyên truyền sâu rộng nội dung Nghị quyết đến cán bộ, đảng viên và nhân dân trong huyện.

3. Các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội triển khai, quán triệt Chương trình này đến cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và toàn thể nhân dân; xây dựng kế hoạch cụ thể, phù hợp với tình hình thực tế để thực hiện.

Chương trình này được quán triệt, phổ biến đến chi bộ.

Nơi nhận:

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy (b/c),
- Các Ban và Văn phòng Tỉnh ủy (b/c),
- Thường trực Huyện ủy,
- HĐND, UBND huyện,
- Các Ban và Văn phòng Huyện ủy,
- MTTQ và các đoàn thể,
- Các tổ chức cơ sở Đảng trực thuộc Huyện ủy,
- Các đồng chí Huyện ủy viên,
- Lưu Văn phòng Huyện ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ

Nguyễn Văn Lộc

*
Số 60 - TTTr/HU

TỜ TRÌNH

**Về việc đề xuất bổ sung Chương trình công tác kiểm tra,
giám sát năm 2022 của Ban Thường vụ Huyện ủy**

Kính gửi: Ban Thường vụ Huyện ủy.

Xác định công tác quản lý, bảo vệ rừng là nhiệm vụ chính trị trọng tâm của Đảng bộ và hệ thống chính trị; từ đầu năm 2022 đến nay, Ban Thường vụ Huyện ủy đã bám sát các văn bản của Trung ương, của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt và đạt được nhiều kết quả tích cực. Tuy nhiên, công tác quản lý, bảo vệ rừng ở một số địa phương vẫn còn khó khăn và diễn biến phức tạp.

Nhằm tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ rừng; Thường trực Huyện ủy đề xuất bổ sung Chương trình công tác kiểm tra, giám sát của Ban Thường vụ Huyện ủy năm 2022, với nội dung giám sát việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/HU, ngày 10/12/2021 của Huyện ủy “Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng và tài nguyên khoáng sản; khai thác tiềm năng từ rừng, tài nguyên khoáng sản phục vụ phát triển kinh tế - xã hội huyện Đam Rông giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030” đối với Đảng ủy xã Đa Tông, Đảng ủy xã Liêng Srônh và một số cán bộ chủ chốt.

Kính đề nghị Ban Thường vụ Huyện ủy xem xét, quyết định.

Nơi nhận:

- Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy (báo cáo),
- Như kính gửi,
- Lưu Văn phòng Huyện ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ



Đa Cát K' Hương



ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Đam Rông, ngày tháng 8 năm 2022

KẾ HOẠCH

Thực hiện Kết luận số 34-KL/TW, ngày 18/4/2022 của Bộ Chính trị về Chiến lược công tác kiểm tra, giám sát của Đảng đến năm 2030

Thực hiện Kết luận số 34-KL/TW, ngày 18/4/2022 của Bộ Chính trị về Chiến lược công tác kiểm tra, giám sát của Đảng đến năm 2030 (gọi tắt là *Kết luận số 34-KL/TW*), Kế hoạch số 52-KH/UBKTTW, ngày 30/6/2022 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương (gọi tắt là *Kế hoạch số 52-KH/UBKTTW*) và Kế hoạch số 54-KL/TU, ngày 19/8/2022 của Tỉnh ủy Lâm Đồng về thực hiện Kết luận số 34-KL/TW Kết luận số 34-KL/TW, ngày 18/4/2022 của Bộ Chính trị về Chiến lược công tác kiểm tra, giám sát của Đảng đến năm 2030 (gọi tắt là *Kế hoạch số 54-KH/TU*), Ban Thường Huyện ủy ban hành kế hoạch thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Nhằm cụ thể hóa và thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp theo Kết luận số 34-KL/TW và Kế hoạch số 54-KH/TU, tạo chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, trách nhiệm, quyết tâm chính trị và hành động của các cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra, cán bộ, đảng viên, từ đó nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng, góp phần quan trọng vào công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ.

- Xác định rõ trách nhiệm, nhiệm vụ của cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra, cơ quan, đơn vị, cán bộ, đảng viên nhất là người đứng đầu trong triển khai, thực hiện các nội dung của Kết luận số 34-KL/TW và Kế hoạch số 54-KH/TU.

2. Yêu cầu

- Việc thực hiện Kết luận số 34-KL/TW, Kế hoạch số 52-KH/UBKTTW và Kế hoạch số 54-KH/TU phải đảm bảo tính nghiêm túc, hiệu quả, đúng mục tiêu, quan điểm, nhiệm vụ, giải pháp, phù hợp với thực tiễn, gắn với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của từng địa phương, đơn vị.

- Các cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra các cấp phải cụ thể hóa bằng kế hoạch thực hiện, xác định rõ vai trò, trách nhiệm, nội dung, phương thức, thời gian thực hiện phù hợp với tình hình địa phương, đơn vị.

II. NỘI DUNG CÔNG VIỆC VÀ PHÂN CÔNG THỰC HIỆN

1. Cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra các cấp trong đảng bộ

1.1. Chỉ đạo việc tổ chức nghiên cứu, quán triệt Kết luận số 34-KL/TW, Kế hoạch số 52-KH/UBKTTW và Kế hoạch số 54-KH/TU tại các địa phương, cơ quan, đơn vị. *Thời gian hoàn thành: Trong Quý III/2022.*

1.2. Ban hành đầy đủ, kịp thời các nghị quyết, chỉ thị, quy chế... về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng (*trước mắt, rà soát ban hành các văn bản theo yêu cầu của cấp ủy và ủy ban kiểm tra cấp trên, ngoài ra xuất phát từ yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương, đơn vị ban hành các văn bản khác theo thẩm quyền để tổ chức thực hiện có hiệu quả*). *Thời gian hoàn thành: Trong Quý III/2022.*

1.3. Cấp ủy, nhất là người đứng đầu xây dựng kế hoạch ít nhất 6 tháng một lần hoặc đột xuất làm việc với ủy ban kiểm tra cùng cấp để kịp thời chỉ đạo, định hướng công tác kiểm tra, giám sát của ủy ban kiểm tra. Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy chỉ đạo, hướng dẫn cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra đảng ủy trong xử lý các vụ việc nghiêm trọng, phức tạp, dễ xảy ra phi phạm, các vụ việc về tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, “*lợi ích nhóm*”. *Thời gian thực hiện: Từ năm 2022.*

1.4. Thực hiện kiểm tra, giám sát theo phương châm “*giám sát phải mở rộng*”, “*kiểm tra có trọng tâm, trọng điểm*”, tập trung vào việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, quy định, quy chế, kết luận của Đảng; các lĩnh vực nhạy cảm, dễ phát sinh vi phạm, nội bộ mất đoàn kết, dư luận xã hội quan tâm; việc thực hành tiết kiệm, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí; kê khai tài sản, thu nhập... *Thời gian thực hiện: Từ năm 2022.*

1.5. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện miễn nhiệm, từ chức của cán bộ, đảng viên không đủ năng lực, uy tín liên quan đến trách nhiệm người đứng đầu. Chủ động kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm, tập trung vào những lĩnh vực, địa bàn, vị trí công tác dễ xảy ra tham nhũng, tiêu cực, nhất là dấu hiệu suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những vấn đề nổi cộm gây bức xúc trong nhân dân. Xử lý kỷ luật nghiêm minh, kịp thời, đồng bộ các tổ chức đảng, đảng viên vi phạm. *Thời gian thực hiện: Từ năm 2022.*

1.6. Thực hiện luân chuyển cán bộ Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy sang công tác tại các phòng, ban, đơn vị, địa phương và luân chuyển cán bộ công tác tại các phòng, ban, đơn vị, địa phương về làm công tác kiểm tra, giám sát của Đảng gắn với thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng về công tác cán bộ. *Thời gian thực hiện: Từ năm 2023.*

2. Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy

2.1. Giúp Ban Thường vụ Huyện ủy theo dõi, chỉ đạo việc nghiên cứu, quán triệt và triển khai, thực hiện Kết luận số 34-KL/TW, Kế hoạch số 52-KH/UBKTTW, Kế hoạch số 54-KH/TU và Kế hoạch này trong Đảng bộ. *Thời gian thực hiện: Trong quý III/2022.*

2.2. Tham mưu Ban Thường vụ Huyện ủy xây dựng và ban hành văn bản về nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát trong Đảng bộ huyện. *Thời gian thực hiện: Khi Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành.*

2.3. Tham mưu Ban Thường vụ Huyện ủy xây dựng và ban hành Quy chế phối hợp giữa Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy với Thanh tra huyện, Công an huyện, Viện Kiểm sát nhân dân huyện. Đồng thời, nghiên cứu tham mưu sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới Quy chế phối hợp giữa Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy với một số cơ quan chức năng trong thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng. *Thời gian thực hiện: Khi Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy ban hành các quy chế trên.*

2.4. Quán triệt, triển khai thực hiện quy định về cơ chế phát hiện, phòng ngừa, ngăn chặn vi phạm của tổ chức đảng và đảng viên; quy định các hành vi vi phạm, suy thoái tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống, tham nhũng, tiêu cực; quy định về thu hồi tài sản do tham nhũng, tiêu cực trong công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng và hoạt động thanh tra. *Thời gian thực hiện: Khi cấp trên ban hành quy định trên.*

2.5. Mở rộng hình thức đối thoại, tiếp nhận thông tin (*phản ánh, kiến nghị, tố cáo...*) trên nền tảng ứng dụng trực tuyến. Thực hiện cơ sở dữ liệu về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng từ huyện đến cơ sở, kết nối liên thông với cơ sở dữ liệu đảng viên của Ban Tổ chức Huyện ủy. *Thời gian thực hiện: Khi cấp trên yêu cầu.*

2.6. Tham mưu Ban Thường vụ Huyện ủy chỉ đạo, thực hiện Đề án mô hình tổ chức bộ máy cơ quan ủy ban kiểm tra huyện ủy và ủy ban kiểm tra đảng ủy cơ sở đồng bộ, thống nhất; đề án tiêu chí, tiêu chuẩn, khung năng lực của cán bộ làm công tác kiểm tra; đề án luân chuyển cán bộ trong hệ thống ngành Kiểm tra Đảng (*theo Kết luận số 23-KL/TW của Ban Bí thư*). *Thời gian thực hiện: Khi cấp trên ban hành các đề án trên.*

2.7. Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy phối hợp với Văn phòng Huyện ủy chuẩn bị nội dung đề xuất thời gian để Thường trực Huyện ủy làm việc với Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy nghe báo cáo và chỉ đạo, định hướng công tác kiểm tra, giám sát của ủy ban kiểm tra định kỳ 6 tháng một lần hoặc đột xuất khi thấy cần thiết. *Thời gian thực hiện: Từ năm 2022.*

2.8. Tăng cường chỉ đạo, hướng dẫn cấp ủy, ủy ban kiểm tra đảng ủy về công tác kiểm tra, giám sát nhất là trong xử lý các vụ việc nghiêm trọng, phức tạp, có nhiều đơn thư, dư luận phản ánh; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, công khai kết quả kiểm tra, giám sát; biểu dương, khen thưởng, nhân rộng các gương tiêu biểu, điển hình tiên tiến, các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát. *Thời gian thực hiện: Từ năm 2022.*

III. TỔ CHỨC, THỰC HIỆN

1. Căn cứ Kết luận số 34-KL/TW, Kế hoạch số 52-KH/UBKTTW, Kế hoạch số 54-KH/TU và Kế hoạch này các tổ chức cơ sở đảng trực thuộc Huyện ủy tổ chức quán triển, triển khai, thực hiện; định kỳ hằng năm báo cáo kết quả thực hiện về Ban Thường vụ Huyện ủy (*qua Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy*).

2. Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy phối hợp với các Ban và Văn phòng Huyện ủy kiểm tra, đôn đốc, giám sát việc thực hiện Kế hoạch này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề vướng mắc, phát sinh, đề nghị các cấp ủy, tổ chức đảng thông tin kịp thời tới Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy để báo cáo Ban Thường vụ Huyện ủy xem xét, quyết định.

Nơi nhận:

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy (báo cáo),
- Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy (báo cáo),
- Thường trực Huyện ủy,
- Các Ban và Văn phòng Huyện ủy,
- UBMTTQ và các đoàn thể chính trị-xã hội huyện,
- Các tổ chức cơ sở đảng,
- Các đồng chí Huyện ủy viên,
- Các đồng chí Ủy viên UBKT Huyện ủy,
- Lưu Văn phòng Huyện ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ**

Nguyễn Văn Lộc